

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời

Câu 1: Đơn vị đo hiệu điện thế là:

- A. Niuton (N) B. Oat (W) C. Ampe (A) D. Vôn (V)

Câu 2: Để mạ bạc cho chiếc hộp bằng đồng thì làm theo cách nào dưới đây?

- A. Nối hộp đồng với cực dương của nguồn điện rồi nhúng hộp vào dung dịch muối bạc.
B. Nối hộp đồng với cực âm của nguồn điện rồi nhúng hộp vào trong dung dịch muối bạc.
C. Nối một thỏi bạc với cực âm của nguồn điện, nối hộp đồng với cực dương của nguồn điện, tắt cả nhúng trong dung dịch muối bạc để cho dòng điện chạy qua dung dịch.
D. Nối một thỏi bạc với cực dương của nguồn điện, nối hộp đồng với cực âm của nguồn điện, tắt cả nhúng trong dung dịch muối bạc để cho dòng điện chạy qua dung dịch.

Câu 3: Để đo cường độ dòng điện đi qua một bóng đèn mắc trong một mạch điện kín gồm bóng đèn và nguồn điện, người ta có thể thực hiện bằng cách

- A. thay bóng đèn mắc trong mạch bằng một ampe kế mắc vào chính mạch đó.
B. cắt dây dẫn trong mạch tại điểm nào đó và mắc ampe kế vào vị trí đó.
C. mắc ampe kế vào hai đầu bóng đèn.
D. thay nguồn điện bằng ampe kế.

Câu 4: Khi thả một thỏi kim loại đã được nung nóng vào một chậu nước lạnh thì nội năng của thỏi kim loại và của nước thay đổi như thế nào?

- A. Nội năng của thỏi kim loại và của nước đều tăng.
B. Nội năng của thỏi kim loại và của nước đều giảm.
C. Nội năng của thỏi kim loại giảm, nội năng của nước tăng.
D. Nội năng của thỏi kim loại tăng, nội năng của nước giảm.

Câu 5: Dung dịch/ chất lỏng nào sau đây làm đổi màu quỳ tím thành đỏ?

- A. Nước đường.
B. Giấm ăn.
C. Nước cất.
D. Nước muối sinh lí.

Câu 6: Chất nào sau đây là base?

- A, HNO_3
B. NaCl
C. NaOH
D. CuSO_4

Câu 7: Dãy gồm các dung dịch nào sau đây là đổi màu quỳ tím thành xanh?

- A. Cu(OH)_2 ; NaCl ; HBr .
B. Cu(OH)_2 ; Zn(OH)_2 ; Na_2SO_4 .
C. NaOH ; Ca(OH)_2 ; KOH .
D. Fe(OH)_3 ; Cu(OH)_2 ; HNO_3 .

Câu 8: Nếu $\text{pH} > 7$ thì dung dịch có môi trường:

- A. Base B. Acid C. Muối D. Trung tính

Câu 9. Hệ thần kinh ở người có dạng

- A. hình ống. B. hình lưới.
C. hình chuỗi. D. hình túi.

Câu 10. Cấu tạo bộ phận thần kinh ngoại biên của người gồm:

- A. não và các dây thần kinh.

B. dây thần kinh và hạch thần kinh.

C. não và hạch thần kinh.

D. tuỷ sống và dây thần kinh.

Câu 11. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

A. màng cơ sở.
đỉnh.

B. màng tiền

C. màng nhĩ.
bầu dục.

D. màng cửa

Câu 12. Viễn thị là

A. tật mà hai mắt nằm quá xa nhau.

B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.

C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Hãy đánh giá các câu dưới đây khi nói về dòng điện, nguồn điện

a, Dòng điện chỉ là dòng chuyển dời có hướng của các electron

b, Muốn duy trì dòng điện trong các thiết bị tiêu thụ điện phải có nguồn điện.

c, Pin là nguồn điện, có thể tạo ra dòng điện làm sáng bóng đèn, làm quay quạt điện.

d, Dòng điện trong dây dẫn bằng kim loại là dòng chuyển động theo hướng xác định của các hạt nhân nguyên tử và các electron.

Câu 14. Cho các dung dịch sau: dung dịch HNO_3 , dung dịch KOH , dung dịch Na_2SO_4 (dung cụ, hoá chất có đủ).

a) Dùng quỳ tím sẽ làm dung dịch HNO_3 hoá đỏ.

b) Dùng quỳ tím sẽ làm dung dịch KOH hoá xanh.

c) Dùng quỳ tím sẽ làm dung dịch Na_2SO_4 chuyển màu đỏ.

d) Kết luận rằng có thể dùng quỳ tím để nhận biết các dung dịch trên.

Câu 15. Đa có chức năng:

a) Bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân từ môi trường như vi khuẩn và tia tử ngoại.

b) Cung cấp năng lượng cho cơ thể qua các tế bào mỡ dưới da.

c) Giúp cơ thể duy trì thân nhiệt ổn định.

d) Tạo ra năng lượng để cơ thể hoạt động

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: (0,25 đ) Trong những vật sau đây: thanh gỗ khô, ruột bút chì, dây nhựa, thanh thủy tinh, đoạn dây nhôm. Những vật nào dẫn điện?

Câu 17. (0,25 đ) Cho các oxide sau: P_2O_5 , CuO , BaO , Na_2O , SO_2 . Có mấy oxide acid?

Câu 18. (0,25 đ) Base được tạo bởi sodium liên kết với nhóm hydroxide có công thức hoá học là gì?

Câu 19: (0,25 đ) Kể tên 1 bệnh liên quan đến hệ nội tiết?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

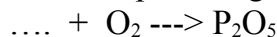
Câu 20:

a. (0,5 đ) Giải thích vì sao lông tơ, bụi bặm vẫn bám vào quần áo khi quần áo đã được chải sạch bằng bàn chải lông?

b. (0, 5 đ) Vẽ sơ đồ mạch điện gồm nguồn điện, công tắc mở, bóng đèn, ampe kế.

Câu 21:

a. (0,5 đ) Cho sơ đồ phản ứng hóa học và hoàn thành các phương trình hóa học sau:



b. (0,5 đ) Cho biết dịch dạ dày có pH là 1, huyền phù $Al(OH)_3$ có pH là 9. Người bị viêm dạ dày khi đói sẽ rất đau vì dịch dạ dày tiết ra làm đau chỗ loét. Tại sao dùng thuốc có chứa $Al(OH)_3$ có thể làm giảm đau?

Câu 22: (0,5 đ) Tại sao không nên dùng vật sắc nhọn để ngoáy tai?

Câu 23: (0,5 đ) Hệ sinh dục ở người có chức năng gì?

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	D	D	B	C	B	C	C	A	A	B	C	C

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: (1 đ)

Ý	a	b	c	d
Đáp án	S	Đ	Đ	S

Câu 14: (1 đ)

Ý	a	b	c	d
Đáp án	Đ	Đ	S	Đ

Câu 15: (1 đ)

Ý	a	b	c	d
Đáp án	Đ	Đ	Đ	S

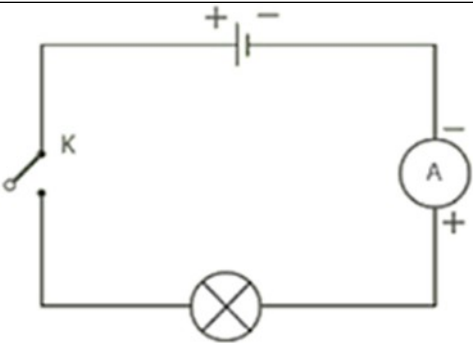
- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Ruột bút chì, đoạn dây nhôm	2	NaOH	Tiêu đường

PHẦN IV. Thí sinh trả lời từ câu 20 đến câu 22

Câu 20: (1,0 đ)	a, Khi quần áo được chải sạch bằng bàn chải lông, do cọ xát mà quần áo bị nhiễm điện nên nó hút các hạt bụi và lông tơ.	0,25 0,25
	 <p>b, Hình 23.2. Sơ đồ mạch điện</p>	0,5
	a) $4P + 5O_2 \xrightarrow{\tau^o} 2P_2O_5$	0,5
Câu 21b) (1,0 điểm)	c) $Al(OH)_3$ có phản ứng trung hòa acid trong dịch dạ dày, làm giảm nồng độ acid, do đó thuốc có chứa $Al(OH)_3$ có thể làm giảm đau.	0,5
Câu 22 (0,5 điểm)	-Dùng vật sắc nhọn để ngoáy tai có thể làm tổn thương ống tai hoặc màng nhĩ.	0,25
	-Gây các vấn đề về thính lực hoặc nhiễm trùng	0,25
Câu 23 (0,5 điểm)	Hệ sinh dục có chức năng <u>duy trì nội giống</u>	0,25
	<u>thông qua quá trình sinh sản</u>	0,25

Lưu ý: - Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác **đúng** cho điểm tương đương.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN – LỚP 8

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì II, khi kết thúc nội dung:

+ Phần Vật lý: Chương V, và bài 26

+ Phần Hoá học: Bài Acid, Base, Oxide.

+ Phần Sinh học: Bài 37, 38, 39, 40.

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phân trắc nghiệm: 7,0 điểm gồm Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: 12 câu, mỗi câu 0,25 điểm, trắc nghiệm đúng sai 3 câu, mỗi câu 1 điểm, trắc nghiệm trả lời ngắn 1 điểm

+ Phân tự luận: 3 điểm gồm 4 câu

+ Khung ma trận:

Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá							
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
NĂNG LƯỢNG	Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát						1		
	Dòng điện, nguồn điện	1		1					
	Mạch điện đơn giản						1		
	Tác dụng của dòng điện	1							
	Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	2							
	Năng lượng nhiệt và nội năng			1					
MỘT SỐ HỢP CHẤT THÔNG DỤNG	Acid	1		2					
	Base- Thang pH	3		3			1		
	Oxide	1					1		
Vật sống	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người	4					1		
	Bài 38: Hệ nội tiết ở người	1							
	Bài 39 : Da và điều hoà thân nhiệt ở người			1					
	Bài 40: Sinh sản ở người		1						
Tổng số điểm		4 điểm		3 điểm		2 điểm		1 điểm	

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN – LỚP 8

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số y hỏi
			TL (Số)
Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	Thông hiểu	- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát.	
	Vận dụng	- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát	
Dòng điện, nguồn điện	Nhận biết	- Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.	
	Thông hiểu	- Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện.	
Mạch điện đơn giản	Nhận biết	- Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện.	
	Thông hiểu	- Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang.	
Tác dụng của dòng điện	Nhận biết	Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí.	
Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	Nhận biết	Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế.	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số hỏi
			TL (Số)
Năng lượng nhiệt và nội năng	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. - Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. 	
Chương II: Một số hợp chất thông dụng			
Acid (axit)	Nhận biết	- Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+).	
		- Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl , H_2SO_4 , CH_3COOH).	
	Thông hiểu	- Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid.	
Base (bazơ)	Nhận biết	- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-).	
		- Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.	
	Thông hiểu	- Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.	
		- Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.	
Thang đo pH	Nhận biết	Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.	
	Thông hiểu	Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).	
	Vận dụng	Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.	
Oxide (oxit)	Nhận biết	Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với 1 nguyên tố khác.	
		- Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).	

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1: Có thể làm nhiễm điện cho một vật bằng cách

- A. Cọ xát vật
B. Nhúng vật vào nước đá
C. Cho chạm vào nam châm
D. Nung nóng vật

Câu 2: Thiết bị nào sau đây là nguồn điện?

- A. Quạt máy
B.Ắc- quy
C. Bếp lửa
D. Đèn pin

Câu 3: Dòng điện là:

- A. Dòng các điện tích dương chuyển động hỗn loạn
B. Dòng các điện tích dương chuyển động hỗn loạn
C. Dòng các điện tích chuyển động có hướng
D. Dòng các nguyên tử chuyển động có hướng

Câu 4: Đơn vị nào sau đây **không phải** là đơn vị đo hiệu điện thế?

- A. Vôn (V)
B. Milivôn (mV)
C. Ampe (A)
D. Kilovôn (kV)

Câu 5. Tên gọi carbon dioxide ứng với công thức nào sau đây?

- A. CO_2 .
B. CO .
C. C_2O .
D. H_2CO_3

Câu 6. Base nào là kiềm?

- A. $\text{Mg}(\text{OH})_2$
B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$
C. $\text{Ba}(\text{OH})_2$
D. $\text{Fe}(\text{OH})_2$

Câu 7. Có thể dùng chất nào sau đây để khử độ chua của đất?

- A. Vôi sống (CaO).
B. Hydrochloric acid (HCl).
C. Muối ăn (NaCl).
D. Nước (H_2O).

Câu 8: Phát biểu đúng là

- A. Môi trường kiềm có $\text{pH} < 7$.
B. Môi trường kiềm có $\text{pH} > 7$.
C. Môi trường trung tính có $\text{pH} \neq 7$.
D. Môi trường acid có $\text{pH} > 7$.

Câu 9: Cận thị là

- A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.
B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.
C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.
D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

CÂU 10: Tuyến nào dưới đây vừa có chức năng ngoại tiết, vừa có chức năng nội tiết ?

A. Tuyến sinh dục B. Tuyến yên C. Tuyến trên thận D. Tuyến tụy

Câu 11: Một làn da sạch sẽ có khả năng tiêu diệt khoảng bao nhiêu phần trăm số vi khuẩn bám trên da ?

A. 40% B. 85% C. 99% D. 35%

Câu 12: Hiện tượng kinh nguyệt là dấu hiệu chứng tỏ

- A. trứng đã được thụ tinh nhưng không rụng.
- B. hợp tử được tạo thành bị chết ở giai đoạn sớm.
- C. trứng không có khả năng thụ tinh.
- D. trứng chín và rụng nhưng không được thụ tinh.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu 13. Hãy xác định các phát biểu sau đây là Đúng hay Sai khi nói về tác dụng của dòng điện.

- a. Dòng điện đi qua bất kì vật dẫn nào cũng gây ra tác dụng nhiệt.
- b. Đèn LED (Điốt phát quang) chỉ cho dòng điện đi qua theo một chiều nhất định.
- c. Để mạ vàng vỏ đồng hồ người ta ứng dụng tác dụng nhiệt của dòng điện.
- d. Cho dòng điện thích hợp đi qua cơ thể người có thể chữa được một số bệnh.

Câu 14: Sodium hydroxide hay còn gọi là xút vẩy, xút ăn da có công thức hoá học là NaOH. NaOH là hợp chất có nhiều ứng dụng trong sản xuất và đời sống. Trong các phát biểu về NaOH, phát biểu nào đúng , sai.

- a. NaOH là Base không tan
- b. NaOH khi tan trong nước tạo ra ion OH^-
- c. Dung dịch NaOH có $\text{PH} > 7$
- d. Dung dịch NaOH làm chuyển màu quỳ tím thành đỏ

Câu 15: Hãy xác định các phát biểu sau đây là Đúng hay Sai khi nói về sinh sản ở người?

- a, Hệ sinh dục nam sinh sản ra tinh trùng, hệ sinh dục nữ sinh sản ra trứng.
- b, Thụ tinh là sự kết hợp của tinh trùng và trứng tạo thành hợp tử.
- c, Phụ nữ khi mang thai hiện tượng kinh nguyệt vẫn diễn ra bình thường.
- d, Mang thai và sinh con ở tuổi vị thành niên rất có lợi.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 16. Có 2 vật A,B,C đều bị nhiễm điện. Nếu đưa vật A nhiễm điện dương lại gần vật B thì thấy hút nhau, đưa vật B lại gần vật C thấy đẩy nhau. Hỏi vật C nhiễm điện gì?

Câu 17. Dùng ampe kế có giới hạn đo 5A, trên mặt số được chia là 25 khoảng nhỏ nhất. Khi đo cường độ dòng điện trong mạch điện, kim chỉ thị ở khoảng thứ 16. Cường độ dòng điện đo được là bao nhiêu?

Câu 18: Hoàn thành phương trình hóa học: $2\text{Mg} + \text{O}_2 \longrightarrow ?$

Câu 19: Nguyên nhân gây bệnh bướu cổ là.....

PHẦN IV: Tự luận.

Câu 20. Cho các thiết bị điện sau: Nguồn điện (1 pin), công tắc, dây nối, bóng đèn.

a. Vẽ sơ đồ mạch điện với các thiết bị kể trên.

b. Đóng công tắc nhưng đèn không sáng. Hãy chỉ ra 2 nguyên nhân và cách khắc phục.

Câu 21: Cho các hợp chất sau NaOH, HCl, CaCl_2 , CaO.

a, Chất nào là base? Base đó thuộc loại base tan hay base không tan?

b, Chất nào là Oxide? Viết phương trình phản ứng của oxide đó với dung dịch HCl.

Câu 22: a, Nêu chức năng và cấu tạo hệ thần kinh?

b, Nghiện ma túy gây ra những tệ nạn gì cho xã hội ?

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	C	A	C	A	B	C	D	B	D

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu	13	14	15
a)	Đ	S	Đ
b)	Đ	Đ	Đ
c)	S	Đ	S
d)	Đ	S	S

Chú ý: Mỗi câu làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý thì được 1 điểm.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: (mỗi ý đúng 0,25 điểm)

Câu 16. Điện tích âm (-)

Câu 17. 3,2A

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

	Nội dung	Điểm
Câu 20	a. Vẽ đúng sơ đồ mạch điện	0,5
	b. Chỉ ra 2 trong các nguyên nhân sau: - Đèn cháy. Cách khắc phục: Thay mới - Pin hết. Cách khắc phục: Thay mới - Dây nối bị đứt ngầm. Cách khắc phục: Nối lại hoặc thay dây khác - Công tắc tiếp xúc không tốt. Cách khắc phục: Sửa lại chỗ tiếp xúc hoặc thay công tắc khác. Mỗi ý đúng 0,25đ	0,5
Câu 21	a. NaOH là base,	0,25
	NaOH là base tan	0,25
	b. Oxide là CaO $\text{CaO} + \text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$	0,25
Câu 22	a. Chức năng: Hệ thần kinh ở người có chức năng điều khiển, điều hòa và phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể thành một thể thống nhất. - Cấu tạo: Hệ thần kinh ở người gồm hai bộ phận là bộ phận trung ương (gồm não và tủy sống), bộ phận ngoại biên (gồm các dây thần kinh và hạch thần kinh).	0,5
		0,25
	b. Nghiện ma túy làm gia tăng các tệ nạn xã hội như: Lừa đảo, trộm cắp, giết người, mại dâm, băng nhóm,... dẫn tới mất trật tự an toàn xã hội.	0,25

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 9

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Năng lượng: 4 câu, 1 điểm; Chất 4 câu, 1 điểm; Vật sống: 4 câu, 1 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (3 điểm). Gồm 3 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm. Năng lượng: 1 câu, 1 điểm; Chất 1 câu, 1 điểm; Vật sống: 1 câu, 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm). Gồm 4 câu đúng mỗi câu 0,25 điểm. Năng lượng: 1 câu, 0,25 điểm; Chất 1 câu, 1 điểm; Vật sống: 2 câu, 0,5 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm): Năng lượng: 1 câu, 1 điểm; Chất 1 câu, 1 điểm; Vật sống: 1 câu, 1 điểm.

- Tổng điểm chia theo các mạch nội dung:

+ Nội dung Năng lượng: 35% (3,5 điểm; 8 tiết)

+ Nội dung Chất: 32,5% (3,25 điểm; 8 tiết)

+ Nội dung Vật sống: 32,5% (3,25 điểm; 8 tiết)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T	Chủ đề/ Chương		Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	N	Điểm 11t		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25		0,25	0,25	0,5	0,25	0,25
2	Ch	Một số hợp chất thông dụng		0,75		0,25	0,5		0,5		0,25		0,75		0,25
3	3,25														

4	Vs 3,25	Sinh học cơ thể người		0,75		0,25	0,5		0,5	0,25			0,75		0,25
Tổng số câu/số ý				8	1	3	8	1	3	1	2	1	3	1	2
Tổng số điểm				3,0			3,0			1,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			30%			10%			30%		

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Điện	1. Hiện tượng nhiễm điện	Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.
		2. Nguồn điện	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện - Liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.
		3. Dòng điện 4. Tác dụng của dòng điện	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), điốt (diode) và điốt phát quang. Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó.
		5. Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
			Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành. 	
		6. Mạch điện đơn giản	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. Vận dụng <p>Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn.</p>	
2	Một số hợp chất thông dụng	Base (bazơ)	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). – Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. – Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan. 	C
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. 	
		Thang đo pH	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). – Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất. 	
		Oxide (oxit)	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. 	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen. – Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.
3	Sinh học cơ thể người	Hệ thần kinh và các quan ở người	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. – Dựa vào hình ảnh kẻ tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). – Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. – Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). – Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kẻ tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kẻ tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. – Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình. – Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt. 	
		Hệ nội tiết ở người	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...). – Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết. 	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình. <p>Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</p>	
		Da và điều hoà thân nhiệt ở người	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cấu tạo sơ lược của da. – Nêu được chức năng của da. – Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. – Nêu được khái niệm thân nhiệt. – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. – Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. 	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể.
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học. Thực hành được cách đo thân nhiệt. Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.
		Sinh sản	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nêu được chức năng của hệ sinh dục. Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. Nêu được cách phòng tránh thai. Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			khoẻ bản thân. – Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).

ĐỀ 3**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8**

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án trả lời.

Hãy chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng và ghi đáp án đó vào bài làm.

Câu 1: Có thể làm nhiễm điện cho một vật bằng cách

- A. Cọ xát vật B. Nhúng vật vào nước đá
C. Cho chạm vào nam châm D. Nung nóng vật

Câu 2: Chọn câu **đúng**

- A. Nguồn điện là dụng cụ dùng để tạo ra nguồn điện
B. Nguồn điện có khả năng duy trì hoạt động của các dụng cụ điện
C. Mỗi nguồn điện đều có hai cực
D. Cả ba câu đều đúng

Câu 3: Nếu ta chạm vào dây điện trần (không có lớp cách điện) dòng điện sẽ truyền qua cơ thể gây co giật, bỏng thậm chí có thể gây chết người là do:

- A. Tác dụng nhiệt của dòng điện B. Tác dụng sinh lí của dòng điện
C. Tác dụng từ của dòng điện D. Tác dụng hóa học của dòng điện

Câu 4: Đơn vị nào sau đây *không phải* là đơn vị đo hiệu điện thế?

- A. Vôn (V) B. Milivôn (mV)
C. Ampe (A) D. Kilovôn (kV)

Câu 5: Nếu tuyến tụy không sản xuất được hormone insulin thì cơ thể sẽ mắc bệnh nào sau đây?

- A. Sỏi thận B. Sỏi bàng quang

C. Dư insulin

D. Đái tháo đường

Câu 6: Bộ phận nào của da có chức năng tiếp nhận các kích thích của môi trường?

A. Tuyến mồ hôi

B. Tuyến nhờn

C. Thụ quan

D. Mạch máu

Câu 7: Hệ sinh dục có chức năng nào sau đây?

A. Sản sinh tinh trùng

B. Sinh sản duy trì nòi giống

C. Buồng trứng

D. Điều hoà kinh nguyệt

Câu 8: Bộ phận nào của cơ quan sinh dục nữ có chức năng dẫn trứng về tử cung?

A. Phễu dẫn trứng

B. Âm đạo

C. Buồng trứng

D. Ống dẫn trứng

Câu 9: Trong các công thức hóa học sau, công thức nào là của Base?

A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ B. HCl C. Al_2O_3 D. NaHCO_3

Câu 10: Nếu $\text{pH} < 7$ thì dung dịch có môi trường:

A. Base

B. Acid

C. Muối

D. Trung tính

Câu 11: Điền vào chỗ trống: "Oxide là hợp chất hai nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là..."

A. carbon

B. hydrogen

C. nitrogen

D. oxygen

Câu 12: Dung dịch base làm phenolphthalein chuyển màu

A. hồng

B. đỏ

C. trắng

D. vàng

Phần II: Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a,b,c,d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13:

a) Mạch điện bao gồm các bộ phận: nguồn điện, các vật tiêu thụ điện và các dây dẫn nối các vật tiêu thụ điện với hai cực nguồn điện.

b) Mạch điện kín chỉ bao gồm các dụng cụ tiêu thụ điện được nối lại với nhau bằng dây dẫn.

c) Sơ đồ mạch điện là ảnh chụp mạch điện thật hoặc là hình vẽ mạch điện thật nhưng với kích thước được thu nhỏ.

d) Sơ đồ mạch điện là hình vẽ biểu diễn mạch điện bằng các kí hiệu của các bộ phận trong mạch điện.

Câu 14: Khi nói về các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh, phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai?

a) Nicotine là chất gây nghiện có trong thuốc lá.

- b) Chất gây nghiện chỉ ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương.
- c) Chất gây nghiện làm thay đổi chức năng bình thường của cơ thể.
- d) Chất gây nghiện dễ dàng cai bỏ.

Câu 15: Oxide của nguyên tố R có hóa trị III chứa 70% về khối lượng nguyên tố R.

- a) Công thức oxide của nguyên tố R có dạng RO.
- b) R là nguyên tố Cu.
- c) Phần trăm khối lượng nguyên tố O trong oxide là 30%.
- d) Oxide của R là base oxide.

Phần III: Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: Cho các vật: dây cước, dây nhôm, dây vải, dây xích sắt, dây chỉ, dây truyền vàng. Trong các vật trên, số vật dẫn điện là?

Câu 17: Khi có dòng điện trong mạch, ta không nhìn thấy các hạt mang điện dịch chuyển, nhưng ta có thể nhận biết sự tồn tại của dòng điện qua các tác dụng của nó. Em có thể kể ra dòng điện có số tác dụng là?

Câu 18: Hiện tượng người cao lớn quá mức hay thấp lùn có liên quan mật thiết đến việc dư thừa hay thiếu hormone nào?

Câu 19: Trong các chất sau: KCl, AgCl, Ca(OH)₂, CuSO₄, Ba(OH)₂, KHCO₃. Số chất thuộc hợp chất bazơ là?

Phần IV. Tự luận: Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

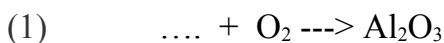
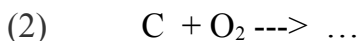
Câu 20: Vẽ sơ đồ mạch điện gồm: 1 nguồn điện, 1 công tắc điều khiển 1 đèn sợi đốt khi mở công tắc điều khiển.

Câu 21:

- a) Tại sao không nên đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng, trên tàu xe xóc nhiều?
- b) Trình bày một số bệnh về da? Nêu biện pháp chăm sóc và bảo vệ da?

Câu 22:

a) Cho sơ đồ phản ứng hóa học và hoàn thành các phương trình hóa học sau:



b) Đất nhiễm phèn có pH trong khoảng 4,5 – 5,0. Hãy giải thích vì sao trước khi vào mùa gieo sạ người ta thường bón vôi bột (CaO) để cải tạo loại đất này?

-HẾT-

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

Phần I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	C	D	C	B	C	A	B	D	A

Phần II. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu 13: (1đ)

Câu	a	b	c	d
Đáp án	Đ	S	S	Đ

Câu 14: (1đ)

Câu	a	b	c	d
Đáp án	Đ	Đ	Đ	S

Câu 15: (1đ)

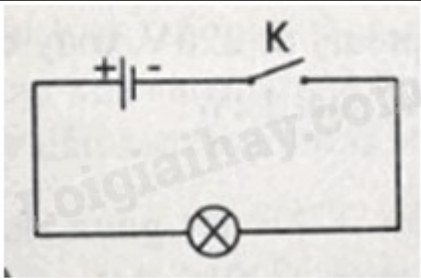
Câu	a	b	c	d
Đáp án	S	S	Đ	Đ

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	16	17	18	19
Đáp án	3	4	GH	2

Phần IV. Tự luận (3,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
Câu 20 (1 đ)		1,0

		HS vẽ đúng sơ đồ (Nếu HS vẽ công tắc điều khiển đóng thì trừ 1 nửa số điểm)	
Câu 21 (1đ)	a)	- Không nên đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng để tránh cho mắt phải điều tiết quá nhiều, lâu dần gây tật cho mắt.	0,25
		- Không nên đọc sách trên tàu xe bị xóc nhiều vì tầm nhìn không ổn định và bị chao đảo sẽ dễ gây ra tật cận thị hoặc viễn thị.	0,25
	b)	- Các bệnh ngoài da: Do vi khuẩn, do nấm, bỏng nhiệt, bỏng hoá chất	0,25
		- Phòng bệnh : giữ vệ sinh thân thể, giữ vệ sinh môi trường, tránh để da bị xây xát , bỏng ... - Chữa bệnh : dùng thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ	0,25
Câu 22 (1đ)	a)	(1) $4\text{Al} + 3\text{O}_2 \xrightarrow{\text{t}^\circ} 2\text{Al}_2\text{O}_3$	0,25
		(2) $\text{C} + \text{O}_2 \xrightarrow{\text{t}^\circ} \text{CO}_2$	0,25
	b)	- Phạm vi pH tối ưu cho hầu hết các cây trồng là từ 5,5 đến 7,5. Đất nhiễm phèn có pH trong khoảng 4,5 – 5,0 (hay có nồng độ acid cao hơn mức tối ưu). Do đó để cải tạo đất nhiễm phèn người ta thường bón vôi bột (CaO) do xảy ra phản ứng:	0,25
		$\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2$ - Ca(OH) ₂ là base, sẽ trung hoà bớt acid trong đất nhiễm phèn, làm tăng pH của đất.	0,25

.....Hết.....

Lưu ý:

- Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác đúng cho điểm tương đương.

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

MÔN KHTN - LỚP 8

Phân/ Chương / Chủ đề/ Bài	Nội dung kiểm tra	Số lượng câu hỏi cho từng mức độ nhận thức							
		Nhận biết (TN)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Điện (11 Tiết)	- Hiện tượng nhiễm điện do cọ sát	4		1	1	2 (Câu			

	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng điện, nguồn điện - Mạch điện đơn giản - Tác dụng của dòng điện - Cường độ dòng điện và hiệu điện thế 					13-1đ)			
Sinh học cơ thể người (10 Tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thần kinh và các giác quan ở người - Hệ nội tiết ở người - Da và điều hoà thân nhiệt ở người - Sinh sản ở người 	5 (Câu 14-1đ)			0,5	1			0,5
Acid – Base – PH – Oxide (8 Tiết)	Base (bazơ) Thang đo pH Oxide (oxit)	4		2 (Câu 15-1đ)	0,5		0,5		
Tổng số câu		4,0		1,5	2,0	1,5	0,5		0,5
Tổng số điểm		4,0		3,5		2,0		0,5	
Tỉ lệ		40%		35%		20%		5%	

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

MÔN KHTN - LỚP 8

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	S
			T (Số)
	Nhận biết	- Lấy được ví dụ về hiện tượng nhiễm điện.	

1. Hiện tượng nhiễm điện do cọ sát		- Cách làm cho một vật bị nhiễm điện	
	Thông hiểu	- Mô tả cách làm một vật bị nhiễm điện.	
		- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ sát.	
		- Chỉ ra được vật nhiễm điện chỉ có thể nhiễm một trong hai loại điện tích.	
	Vận dụng	- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ sát.	
	Vận dụng cao	- Vận dụng phản ứng liên kết ion để giải thích cơ chế vật nhiễm điện.	
2. Nguồn điện	Nhận biết	- Nhận biết được kí hiệu nguồn điện.	
		- Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện.	
		- Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế.	
	Thông hiểu	- Nguồn điện 1 chiều luôn có 2 cực (âm, dương) cố định.	
		- Nguồn điện xoay chiều đổi cực liên tục	
3. Dòng điện	Nhận biết	- Phát biểu được định nghĩa về dòng điện.	
		- Kể tên được một số vật liệu dẫn điện và vật liệu không dẫn điện.	
		- Nêu được dòng điện có tác dụng: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí.	
4. Tác dụng của dòng điện	Thông hiểu	- Giải thích được nguyên nhân vật dẫn điện, vật không dẫn điện.	
		- Giải thích được tác dụng nhiệt của dòng điện.	
		- Giải thích được tác dụng phát sáng của dòng điện.	
		- Giải thích được tác dụng hóa học của dòng điện.	
		- Giải thích được tác dụng sinh lí của dòng điện.	
	Vận dụng	- Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích.	
	Vận dụng cao	- Thiết kế phương án (hay giải pháp) để làm một vật dụng điện hữu ích cho bản thân (hay đưa ra biện pháp sử dụng điện an toàn và hiệu quả).	

5. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	Nhận biết	- Nêu được đơn vị cường độ dòng điện.	
		- Nhận biết được ampe kế, kí hiệu ampe kế trên hình vẽ.	
		- Nêu được đơn vị đo hiệu điện thế.	
		- Nhận biết được vôn kế, kí hiệu vôn kế trên hình vẽ.	
		- Nhận biết được điện trở (biến trở) kí hiệu của điện trở (biến trở).	
	Thông hiểu	- Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), ampe kế.	
		- Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), vôn kế.	
		- Mắc được mạch điện đơn giản khi cho trước các thiết bị.	C
	Vận dụng	- Xác định được cường độ dòng điện chạy qua một điện trở, hai điện trở mắc nối tiếp (hoặc hai điện trở mắc song song) khi biết trước các số liệu liên quan trong bài thí nghiệm (hoặc xác định bằng công thức Định luật Ôm cho đoạn mạch: $I = U/R$)	
		- Xác định được hiệu điện thế trên hai đầu đoạn mạch có hai điện trở mắc nối tiếp (hoặc mắc song song) khi biết trước các số liệu liên quan trong bài thí nghiệm (hoặc xác định giá trị bằng công thức Định luật Ôm cho đoạn mạch: $I = U/R$).	
	Vận dụng cao	- Vận dụng công thức định luật Ôm để giải phương trình bậc nhất một ẩn số với đoạn mạch mắc hỗn hợp gồm 2 điện trở mắc song song và mắc nối tiếp với điện trở thứ ba $\{(R_1 // R_2) \text{ nt } R_3\}$.	
6. Mạch điện đơn giản	Nhận biết	Nhận biết kí hiệu mô tả: nguồn điện, điện trở, biến trở, chuông, ampe kế, vôn kế, cầu chì, đi ốt và đi ốt phát quang.	
	Thông hiểu	- Vẽ được mạch điện theo mô tả cách mắc.	
		- Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì (hoặc: rơ le, cầu dao tự động, chuông điện).	
	Vận dụng	- Xác định được cường độ dòng điện của đoạn mạch gồm ba điện trở mắc nối tiếp (hoặc đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song)	
		- Xác định được hiệu điện thế của đoạn mạch gồm ba điện trở mắc nối tiếp (hoặc đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song).	
7. Hệ thần kinh và các quan ở	Nhận biết	- Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan.	
		- Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác.	

người		- Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh).	
		- Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh.	
	Thông hiểu	- Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng bệnh đó.	
		- Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...).	
		- Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng.	
		- Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh.	
	Vận dụng	- Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.	
		- Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở t	
		- Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.	
		- Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.	
	Vận dụng cao	- Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.	
8. Hệ nội tiết ở người	Nhận biết	- Kể được tên các tuyến nội tiết.	
		- Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.	
		- Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).	
	Thông hiểu	- Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết	
	Vận dụng	- Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.	
	Vận dụng cao	- Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).	
9. Da và	Nhận biết	- Nêu được cấu tạo sơ lược của da.	

điều hoà thân nhiệt ở người		- Nêu được chức năng của da.	
	Thông hiểu	- Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.	C y
	Vận dụng	- Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.	
	Vận dụng cao	- Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.	
		- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.	
	Nhận biết	- Nêu được khái niệm thân nhiệt.	
		- Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.	
		- Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.	
		- Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.	
		- Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.	
	Thông hiểu	- Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể.	
	Vận dụng	- Thực hành được cách đo thân nhiệt.	
	Vận dụng cao	- Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.	
10. Sinh sản ở người	Nhận biết	- Nêu được chức năng của hệ sinh dục.	
		- Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.	
		- Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).	
		- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên.	
	Thông hiểu	- Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.	
		- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.	
		- Nêu được cách phòng tránh thai.	
		- Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.	

		- Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).	
	Vận dụng	- Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.	
	Vận dụng cao	- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).	
11. Base (bazơ)	Nhận biết	- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-).	
		- Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.	
	Thông hiểu	- Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.	
		- Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.	
12. Thang đo pH	Nhận biết	- Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.	
	Thông hiểu	- Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).	
	Vận dụng	- Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.	C y
13. Oxide (oxit)	Nhận biết	- Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với 1 nguyên tố khác.	
	Thông hiểu	- Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.	C y
		- Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).	
		- Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.	

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời.

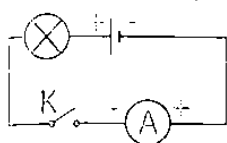
Câu 1. Dùng một mảnh vải len cọ xát nhiều lần vào mảnh phim nhựa thì mảnh phim nhựa này có thể hút được các vụn giấy vì

- A. mảnh phim nhựa được làm sạch bề mặt.
- B. mảnh phim nhựa bị nhiễm điện
- C. mảnh phim nhựa có tính chất từ như nam châm.
- D. mảnh phim nhựa bị nóng lên.

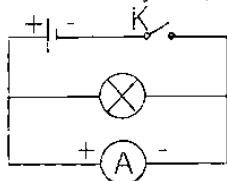
Câu 2. Cường độ dòng điện được đo bằng đơn vị nào?

- A. Ampe (A).
- B. Vôn (V).
- C. Ôm (Ω).
- D. Watt (W).

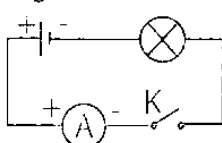
Câu 3. Sơ đồ mạch điện nào dưới đây được mắc đúng?



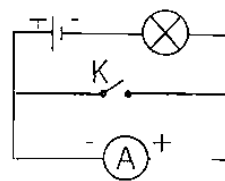
A.



B.



C.



D.

Câu 4. Khi thả một thỏi kim loại đã được nung nóng vào một chậu nước lạnh thì nội năng của thỏi kim loại và của nước thay đổi như thế nào?

- A. Nội năng của thỏi kim loại và của nước đều tăng.
- B. Nội năng của thỏi kim loại và của nước đều giảm.
- C. Nội năng của thỏi kim loại giảm, nội năng của nước tăng.
- D. Nội năng của thỏi kim loại tăng, nội năng của nước giảm.

Câu 5. Hợp chất X được tạo thành từ oxygen và một nguyên tố khác. Chất X thuộc loại chất gì cho dưới đây?

- A. Muối.
- B. Acid.
- C. Base.
- D. Oxide.

Câu 6. Cho các dung dịch và chất lỏng sau: H_2SO_4 , NaOH , H_2O . Trình tự tăng dần giá trị pH của các dung dịch, chất lỏng này là

- A. $\text{H}_2\text{SO}_4 < \text{NaOH} < \text{H}_2\text{O}$.
- B. $\text{H}_2\text{SO}_4 < \text{H}_2\text{O} < \text{NaOH}$.
- C. $\text{NaOH} < \text{H}_2\text{O} < \text{H}_2\text{SO}_4$.
- D. $\text{H}_2\text{O} < \text{H}_2\text{SO}_4 < \text{NaOH}$.

Câu 7. Oxit nào sau đây là oxit bazơ?

- A. CO_2 .
- B. MgO .
- C. SO_2 .
- D. P_2O_5 .

Câu 8. Base có đặc điểm nào sau đây?

- A. Làm quỳ tím hóa đỏ.
- B. Có vị chua.
- C. Làm quỳ tím hóa xanh.
- D. Không có tác dụng với quỳ tím.

Câu 9: Sản phẩm của tuyến nội tiết có tên gọi là gì ?

- | | |
|-----------------|--------------|
| A. Kháng nguyên | B. Hormone |
| C. Enzyme | D. Kháng thể |

Câu 10: Hệ thần kinh ở người có dạng:

- | | |
|---------------|--------------|
| A. hình ống | B. hình lưới |
| C. hình chuỗi | D. hình túi |

Câu 11: Đặc điểm giúp phân biệt nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh với nhóm nhân tố sinh thái vô sinh là:

- A. các yếu tố không sống của môi trường.
- B. các yếu tố sống của môi trường (bao gồm cả con người và các sinh vật khác).
- C. yếu tố con người.
- D. yếu tố động vật.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây giúp ta chống nóng hiệu quả?

- | | |
|-------------------------------------|--------------------------|
| A. Uống nhiều nước giải khát có ga. | B. Trồng nhiều cây xanh. |
| C. Mặc nhiều quần áo dày. | D. Tắm nắng. |

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a; b; c; d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13.

- a. Hiện tượng sấm sét chỉ xảy ra khi trời mưa dông.
- b. Dòng điện chỉ là dòng chuyển dời có hướng của các electron.
- c. Muốn duy trì dòng điện trong các thiết bị tiêu thụ điện phải có nguồn điện.
- d. Sơ đồ mạch điện là hình vẽ biểu diễn mạch điện bằng các kí hiệu của các bộ phận trong mạch điện.

Câu 14.

- a. Khi tan trong nước, base tạo ra ion OH^+ .
- b. Base tan trong nước được gọi là kiềm.
- c. Nước xà phòng không làm quỳ tím chuyển màu.
- d. Cho 3 dung dịch không màu: giấm ăn, nước đường, nước xà phòng. Chỉ cần dùng quỳ tím có thể nhận biết được ba dung dịch trên.

Câu 15. Xác định các phát biểu sau là đúng hay sai khi nói về da ở người:

- Da có chức năng bảo vệ cơ thể, chống lại các yếu tố bất lợi của môi trường.
- Lớp mỡ ở da có vai trò chủ yếu dự trữ đường.
- Che chắn da hoặc sử dụng kem chống nắng khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời để da không bị tổn thương do tia UV.
- Không nên trang điểm thường xuyên, lạm dụng mỹ phẩm, để lớp trang điểm trên da quá lâu vì có thể bịt kín lỗ chân lông và lỗ tiết chất nhờn, làm da không bài tiết được, có thể gây hại đến da: viêm da, nổi mụn...

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19.

Câu 16. Nội năng của một vật là tổng của mấy dạng năng lượng?

Câu 17. Khi đun sôi một lượng nước ở nhiệt độ phòng, cần cung cấp một năng lượng nhiệt là 30 040 J. Để đun sôi một lượng nước cũng ở nhiệt độ phòng nhưng có khối lượng gấp đôi thì cần một lượng nhiệt có giá trị gần đúng là bao nhiêu Jun ?

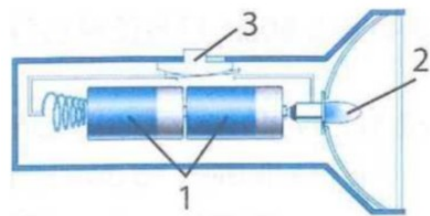
Câu 18. Trong các môi trường sau: dạ dày, máu, nước chanh. Bao nhiêu môi trường có pH nhỏ hơn 7?

Câu 19. Cho các bệnh sau: bệnh bướu cổ do thiếu iodine, bệnh đái tháo đường, bệnh tay chân miệng, bệnh viêm mũi, bệnh cường giáp. Em cho biết có bao nhiêu bệnh liên quan đến hệ nội tiết ?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho bài tập sau:

Câu 20.

- Vẽ kí hiệu mô tả: nguồn điện 2 pin, bóng đèn.
- Trong hình bên, vỏ đèn pin là vật dẫn điện hay vật không dẫn điện.
- Hãy vẽ sơ đồ mạch điện của đèn pin.



Câu 21. Cho các chất: CaO , CO_2 , CaCO_3 .

- Chất nào là oxide?
- Chất nào là muối?
- Chỉ rõ chất nào là oxide base.
- Viết phương trình phản ứng của oxide base với dung dịch HCl .

Câu 22.

- Nghiện ma túy gây ra những tệ nạn gì cho xã hội ?
- Từ những hiểu biết về chất gây nghiện, em sẽ tuyên truyền điều gì đến người thân và mọi người xung quanh ?

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp	B	A	C	C	D	B	B	C	B	A	B	B

án												
----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu	13	14	15
a)	Đ	S	Đ
b)	S	Đ	S
c)	Đ	S	Đ
d)	Đ	Đ	Đ

Chú ý: Mỗi câu làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý thì được 1 điểm.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: (mỗi ý đúng 0,25 điểm)

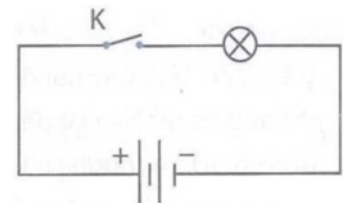
Câu 16. 2

Câu 17. 60 080 J

Câu 18. 2

Câu 19. 3

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

	Nội dung	Điểm
Câu 20		0,25 đ
		0,25 đ
	Vật dẫn điện.	0,25 đ
		0,25 đ
Câu 21	a. Oxide: CaO , CO ₂ .	0,25 đ
	b. Muối: CaCO ₃ .	0,25 đ
	c. Oxide base: CaO.	0,25 đ
	d. PTPƯ: CaO + 2 HCl -> CaCl ₂ + H ₂ O	0,25 đ
Câu 22	a. (1) Nghiện ma túy sẽ gây hại sức khỏe và tinh thần người nghiện, (2) hệ lụy kéo theo là sự xuống cấp của đạo đức xã hội, (3) tạo ra các tội phạm ma túy, huỷ hoại giống nòi và ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội.	0,75đ

	b. Tuyên truyền: <i>Nói không với chất gây nghiện</i> cho mọi người	0,25đ
--	---	-------

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 8

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra giữa học kì 2.*

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: *70% trắc nghiệm, 30% tự luận*

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.*

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). *(4 phương án chọn 1 đáp án đúng)* gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (3 điểm). Gồm 3 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm). Gồm 1 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

MÔN: KHTN. LỚP 34

T T	Chủ đề/ Chương	Nội dung / đơn vị kiến	Mức độ đánh giá			
			TNKQ			Tự luận
			Nhiều lựa chọn	“Đúng - Sai”	Trả lời ngắn	

			thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	NL 3,5	Điện 11t		0,25	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25				0,5	0,25	0,25
		Nhiệt 3t		0,25							0,25	0,25			
2	Ch 3,25	Acid - Base - pH - Oxide - Muối 8t		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25			0,25	0,5	0,25	0,25
3	Vs 3,25	C. VII 10t		0,25	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25			0,25			0,25
		CVIII 4t		0,25										0,75	
Tổng số câu/số ý				6	3	3	6	3	3		1	3	6	5	3
Tổng số điểm				3,0			3,0			1,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			30%			10%			30%		

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
1.Năng lượng	1.1.Điện	1. Hiện tượng nhiễm điện	Thông hiểu - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.	
		2. Nguồn điện	Nhận biết - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện - Liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.	
		3. Dòng điện 4. Tác dụng của dòng điện	Nhận biết - Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. Thông hiểu - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. Vận dụng - Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó.	
		5. Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế	Nhận biết - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. Vận dụng - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành.	C
		6. Mạch điện đơn giản	Nhận biết	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
			<p>- Nêu được các kí hiệu dụng cụ điện.</p> <p>- Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn.</p>	
	1.2. Nhiệt	<p>1. Năng lượng nhiệt.</p> <p>2. Đo năng lượng nhiệt</p>	<p>Nhận biết</p> <p>- Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng.</p> <p>- Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Hiểu được nội năng của vật</p> <p>Vận dụng</p> <p>Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).</p>	
2. Chất	Acid – base – pH – oxide –muối	1. Base (bazơ)	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-).</p> <p>– Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.</p> <p>– Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Chỉ ra được tính chất hóa học.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.</p>	C
		2. Thang đo pH	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.</p> <p>Vận dụng</p>	C

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). – Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.
		3. Oxide (oxit)	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen. – Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.
		4. Muối	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^+). – Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan. – Trình bày được một số phương pháp điều chế muối. – Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide. – Đọc được tên một số loại muối thông dụng. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
			được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối.	
3	Chương VII: Vật sống		Nhận biết: - Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. – Dựa vào hình ảnh kẻ tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh).	
			Thông hiểu: - Dựa vào cấu tạo và chức năng hệ thần kinh và liên hệ thực tế hiểu được nghiện ma túy gây tổn thương hệ thần kinh, giảm sút sức khoẻ...	
			Vận dụng: – Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. - Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.	
		2. Hệ nội tiết ở người	Nhận biết: – Kể được tên các tuyến nội tiết. – Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).	
			Vận dụng: – Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình. Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).	
		3. Da và điều hoà thân nhiệt ở người	Nhận biết: – Nêu được cấu tạo sơ lược của da. – Nêu được chức năng của da. – Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
			chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.	
			Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa biện pháp bảo vệ da khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời	
			Vận dụng: – Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. – Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.	
	Chương VIII. Sinh vật và môi trường	Môi trường và các nhân tố sinh thái	Nhận biết: – Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật	
			Thông hiểu: – Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người).	

ĐỀ 5**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8****PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:****Câu 1.** Sau một thời gian hoạt động, cánh quạt dính nhiều bụi vì:

- A. Cánh quạt cọ xát với không khí, bị nhiễm điện nên hút nhiều bụi.
 B. Cánh quạt bị ẩm nên hút nhiều bụi.
 C. Một số chất nhờn trong không khí đọng lại ở cánh quạt và hút nhiều bụi.
 D. Bụi có chất keo nên bám vào cánh quạt.

Câu 2. Đơn vị đo hiệu điện thế là:

- A. Kilomet(kg) B. Lít(l) C. Ampe(A) D. Vôn(V)

Câu 3. Trong các vật sau đây, vật nào không phải là nguồn điện:

- A. Pin con thỏ B. Pin cúc áo C. Phích cắm D.Ắc quy

Câu 4. Cầu chì hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện?

- A. Tác dụng nhiệt. B. Tác dụng phát sáng.
C. Tác dụng nhiệt và phát sáng. D. Một tác dụng khác.

Câu 5. Calcium hydroxide được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp. Công thức của calcium hydroxide?

- A. CaO . B. Ca(OH)_2 . C. CaSO_4 . D. CaCO_3 .

Câu 6. Oxide nào sau đây là oxide lưỡng tính?

- A. BaO . B. Al_2O_3 . C. SO_3 . D. MgO .

Câu 7. Để nhận biết dd KOH và dung dịch Ba(OH)_2 ta dùng thuốc thử là

- A. phenolphthalein. B. quỳ tím.
C. dung dịch H_2SO_4 . D. dung dịch HCl .

Câu 8. Oxide acid là:

- A. Những oxide tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
B. Những oxide tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
C. Những oxide không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
D. Những oxide chỉ tác dụng được với muối.

Câu 9: Hormone insulin do tuyến tụy tiết ra có tác dụng sinh lí như thế nào ?

- A. Chuyển glycogen thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ
B. Chuyển glucozo thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ
C. Chuyển glycogen thành glucozo dự trữ trong gan và cơ
D. Chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ

Câu 10: Nguyên nhân gây bệnh giang mai là do?

- A. phẩy khuẩn. B. cầu khuẩn. C. virus. D. xoắn khuẩn.

Câu 11: Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

- A. màng cơ sở. B. màng tiền đình. C. màng nhĩ. D. màng cửa bầu dục.

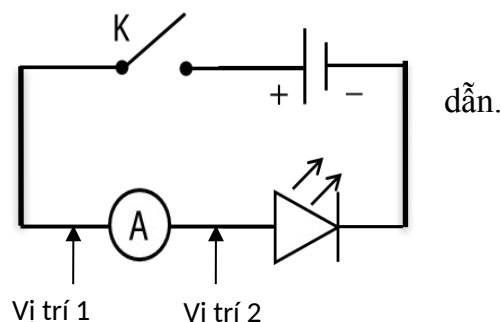
Câu 12: Dịch tiết của tuyến nào dưới đây không đi theo hệ thống ống dẫn?

- A. Tuyến nước bọt B. Tuyến sữa C. Tuyến giáp D. Tuyến mồ hôi

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 13. Cho mạch điện như hình vẽ:

- a. Mạch điện gồm có: Khoá K, ampe kế, nguồn điện, dây
b. Nguồn điện có tác dụng duy trì dòng điện trong mạch.
c. Khoá K đang ở trạng thái đóng.



d. Chốt âm của ampe kế mắc vào vị trí 1, Chốt dương của ampe kế mắc vào vị trí 2

Câu 14: Đặc điểm cấu tạo phân tử và tính chất của Base?

1. Base được tạo nên bởi anion phi kim và anion nhóm OH.
2. Dung dịch base làm phenol không màu thành đỏ.
3. Tất cả các base đều tác dụng với oxide acid tạo thành muối và nước.
4. Al(OH)_3 có tên gọi là Aluminium (III) hydroxide.

Câu 15: Đặc điểm về hệ thần kinh và các giác quan ở người?

1. Hệ thần kinh gồm bộ phận trung ương và bộ phận ngoại biên.
2. Cơ thể người có tất cả 6 giác quan.
3. Chúng ta nhìn thấy vật là do ánh sáng phản chiếu từ vật phản xạ qua giác mạc.
4. Cơ quan phận tích thị giác gồm mắt, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở bán cầu não.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 16. Vật nhiễm điện dương khi nhận thêm electron hay mất bớt electron?

Câu 17: Viết công thức hoá học của Mangannese (IV) oxide?

Câu 18: Viết PTHH của phản ứng giữa NaOH và H_2SO_4 ?

Câu 19: Ở nữ giới, trứng sau khi thụ tinh thường làm tổ ở đâu?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho bài tập sau

Câu 20: a. Xét các dụng cụ điện sau: Quạt điện, nồi cơm điện, máy thu hình (tivi), máy thu thanh (radio), ấm điện. Hỏi khi các dụng cụ này hoạt động thì chúng đều có chung tác dụng nào của dòng điện? Tác dụng đó là có ích đối với dụng cụ nào?

b. Cầu chì trong lắp trong các mạch điện có tác dụng gì? Ngày nay, trong mạch điện dân dụng hoặc trường học người ta thường dùng thiết bị gì thay cho cầu chì?

Câu 21: Cho 16g Fe_2O_3 phản ứng với 500ml dung dịch HCl.

- a, Tính khối lượng muối được tạo thành?
- b, Tính nồng độ dung dịch HCl tham gia phản ứng?

Câu 22:

- a, Nêu các thành phần cơ bản cấu tạo nên da?
- b, Nêu biện pháp chống nóng, chống lạnh cho cơ thể?

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	C	A	B	B	C	B	D	D	C	C

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu	13	14	15
a)	S	S	Đ
b)	Đ	Đ	S
c)	Đ	S	S
d)	S	S	Đ

Chú ý: Mỗi câu làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý thì được 1 điểm.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: (mỗi ý đúng 0,25 điểm)

Câu 16. Mất bớt electron.

Câu 17: Mn(OH)_4 (0,25đ)

Câu 18: $2\text{NaOH} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$ (0,25đ)

Câu 19: Thành tử cung. (0,25đ)

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

	Nội dung	Điểm
Câu 20	a. - Tác dụng nhiệt	0,25
	- Nồi cơm điện, ấm điện	0,25
	b. - Bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch điện	0,25
	- Aptomat (cầu dao tự động)	0,25
Câu 21	a. PTHH $\text{Fe}_2\text{O}_3 + 6\text{HCl} \rightarrow 2\text{FeCl}_3 + 3\text{H}_2\text{O}$ (0,25đ)	0,25
	Số mol của Fe_2O_3	
	$n_{\text{Fe}_2\text{O}_3} = 16/160 = 0,1 \text{ mol}$	0,25
	Theo PTHH: $n_{\text{FeCl}_3} = 0,2 \text{ mol}$	
	Khối lượng muối FeCl_3	
	$m_{\text{FeCl}_3} = 0,2 \cdot 162,5 = 32,5 \text{ g}$	0,25

	b. Theo PTHH: $n_{\text{HCl}} = 0,6 \text{ mol}$ Nồng độ dung dịch HCl: $C_{\text{M HCl}} = 0,6/0,5 = 1,2\text{M}$	0,25
Câu 22	a, Lớp biểu bì, lớp bì, lớp mỡ dưới da.	0,25
	b, - Đội mũ, nón khi làm việc ngoài trời.	0,25
	- Khi vận động mạnh mồ hôi ra nhiều không nên tắm ngay hay ngồi trước quạt và nơi có gió mạnh.	0,25
	- Luyện tập thể dục thể thao nâng cao khả năng chống nóng, lạnh cho cơ thể.	0,25

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 8

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- **Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (3 điểm). Gồm 3 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm). Gồm 4 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chươ ng	Nội dun g/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điể m
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn									
			Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	
1	Năng lượng và sự biến đổi - Điện (11 tiết)		0,7 5	0,25		0,2 5	0,25	0,5		0,2 5		0,5	0,5		1,5	1,25	0,5	
1	Chất	Base — Than g pH	0,2 5		0,25	0,5	0,2 5	0,25		0,2 5					0,7 5	0,5	0,5	
		Oxide	0,5							0,2 5		0,5		0,5	1	0,2 5	0,5	
2	Vật sống	Hệ thần kinh và các giác quan ở người	0,2 5			0,2 5	0,2 5	0,5							0,5	0,2 5	0,5	
		Hệ nội tiết ở người	0,2 5	0,2 5											0,2 5	0,2 5		
		Da và điều hoà										0,5		0,5	0,5		0,5	

		thân nhiệt ở người																
		Sinh sản ở người	0,2 5							0,25					0,2 5		0,25	
Tổng số câu/Số ý			4	5	3	4	2	2	4	1	3	4	4	4	16	12	12	40
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%			40 %	30 %	30%	100%

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Năng lượng và sự biến đổi - Điện	1. Nhiễm điện do cọ xát	Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát
		2. Dòng điện và nguồn điện - Mạch điện đơn giản	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được định nghĩa dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong cuộc sống - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, role, cầu dao tự động, chuông điện. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại được vật dẫn điện và vật không dẫn điện Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ mạch điện với các kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông điện, ampe kế, vôn kế, điốt và điốt phát quang. - Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn
		3. Tác dụng của	Thông hiểu:

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	
		dòng điện	- Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: Nhiệt, phát sáng, hóa học, sinh lí	
		4. Cường độ dòng điện, hiệu điện thế - Thực hành	Nhận biết: - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. Thông hiểu: - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị cường độ dòng điện. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay acquy) được đo bằng hiệu điện thế (điện áp) giữa hai cực của nó. - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành. Vận dụng: - Vẽ được sơ đồ mạch điện với các kí hiệu mô tả ampe kế và vôn kế	
		1. Base – Thang pH	Nhận biết - Hs dựa vào đặc điểm cấu tạo để nhận biết base. Thông hiểu - Hiểu đặc điểm cấu tạo, tính chất của base. Vận dụng - Vận dụng tính chất hoá học của base để làm bài tập	
2.	Chất	2. Oxide	Nhận biết - Hs dựa vào đặc điểm cấu tạo, tính chất của oxide để nhận biết oxide lưỡng tính, oxide acid Thông hiểu - Vận dụng tính chất hoá học của oxide, phương pháp giải bài tập tính theo PTHH	
3	Vật sống	1. Hệ thần kinh và các giác quan ở người	- Nhận biết vị trí vòi nhĩ trong tai. - Hiểu được đặc điểm hệ thần kinh và các giác quan ở người	
		2. Hệ nội tiết ở người	Nhận biết được vai trò của hormon insulin Hiểu, phân biệt được đặc điểm của tuyến nội tiết với tuyến ngoại tiết	
		3. Da và điều hoà thân nhiệt ở	- Nhận biết được các thành phần cơ bản của da - Vận dụng vai trò để đưa ra các phương pháp chống	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		người	nóng, lạnh
		4. Sinh sản ở người	Hiểu được nguyên nhân gây bệnh giang mai Vận dụng đặc điểm về giới hạn sinh thái của sinh vật

ĐỀ 6**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8**

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời

Câu 1: Kim loại dẫn điện vì

- A. trong kim loại có nhiều ion dương.
B. trong kim loại có các electron tự do chuyển động không ngừng.
 C. kim loại cấu tạo từ các nguyên tử.
 D. các nguyên tử cấu tạo nên kim loại luôn chuyển động hỗn loạn.

Câu 2: Các dụng cụ nào sau đây không phải là nguồn điện:

- A. Pin
 B.Ắc – qui
 C. Đì – na – mô xe đạp
D. Quạt điện

Câu 3: Dòng điện chạy qua dụng cụ nào dưới đây khi hoạt động bình thường vừa có tác dụng nhiệt vừa có tác dụng phát sáng?

- A.** Bóng đèn điện loại dây tóc.
 B. Radio (máy thu thanh).
 C. Đèn LED.
 D. Ruột ấm điện.

Câu 4: Đơn vị nào sau đây *không phải* là đơn vị đo cường độ dòng điện?

- A. Ampe (A)
 B. Miliampe (mA)
C. Vôn (V)
 D. Kiloampe (kA)

Câu 5: Nếu tuyến tụy không sản xuất được hormone insulin thì cơ thể sẽ mắc bệnh nào sau đây :

- A. Sỏi thận
 B. Sỏi bàng quang
 C. Đur insulin
 D. Đái tháo đường

Câu 6: Bộ phận nào của da có chức năng tiếp nhận các kích thích của môi trường /

- A. Tuyến mồ hôi
 B. Tuyến nhờn
 C. Thụ quan
 D. Mạch máu

Câu 7 : Hệ sinh dục có chức năng nào sau đây?

- A. Sản sinh tinh trùng
 B. Sinh sản duy trì nòi giống
 C. Buồng trứng.
 D. Điều hoà kinh nguyệt.

Câu 8: Bộ phận nào của cơ quan sinh dục nữ có chức năng dẫn trứng về tử cung?

- A. Phễu dẫn trứng
 B. Âm đạo
 C. Buồng trứng
 D. Ống dẫn trứng

Câu 9. Tuyến nào sau đây là tuyến nội tiết

- A. Tuyến gan
 B. Tuyến nước bọt
 C. Tuyến vị
 D. Tuyến yên

Câu 10. Trong các bệnh sau đây, bệnh nào lây lan qua đường tình dục

- A. Covid – 19
 B. Giang mai
 C. Sốt xuất huyết
 D. Đau mắt đỏ

Câu 11: Trong các công thức hóa học sau, công thức nào là của Base?

- A. Ba(OH)₂. B. HCl. C. Al₂O₃. D. NaHCO₃.

Câu 12: Nếu pH < 7 thì dung dịch có môi trường:

- A. Base B. Acid C. Muối D. Trung tính

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Các nhận định sau đúng hay sai

- a) Bóng đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang, đèn compact, đèn LED đều ứng dụng tác dụng nhiệt của dòng điện.
b) Dùng bóng đèn huỳnh quang tiết kiệm hơn bóng đèn sợi đốt.
c) Đèn compact cũng là đèn huỳnh quang nhưng được thu nhỏ.
d) Dây tóc bóng đèn sợi đốt được làm bằng kim loại có nhiệt độ nóng chảy cao.

Câu 14: Câu 14: Phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sau :

- A. Phân tử acid gồm 1 hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với nhóm hydroxide(OH)
B. Công thức hóa học của acid có trong dịch vị dạ dày là H₂SO₄
C. Dung dịch acid làm quỳ tím hóa đỏ
D. Dung dịch nước muối không làm đổi màu quỳ tím thành đỏ

Câu 15: Khi nói về chức năng và cấu tạo của da :

- A. Chức năng chính của da là bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân gây hại từ môi trường
B. Da không có vai trò điều hòa nhiệt độ cơ thể
C. Lớp biểu bì là lớp ngoài cùng của da, tiếp xúc trực tiếp với môi trường ngoài
D. Da không tham gia trực tiếp vào quá trình tổng hợp vitamin D

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: Dòng điện có hiệu điện thế từ bao nhiêu vôn thì gây nguy hiểm cho con người ?

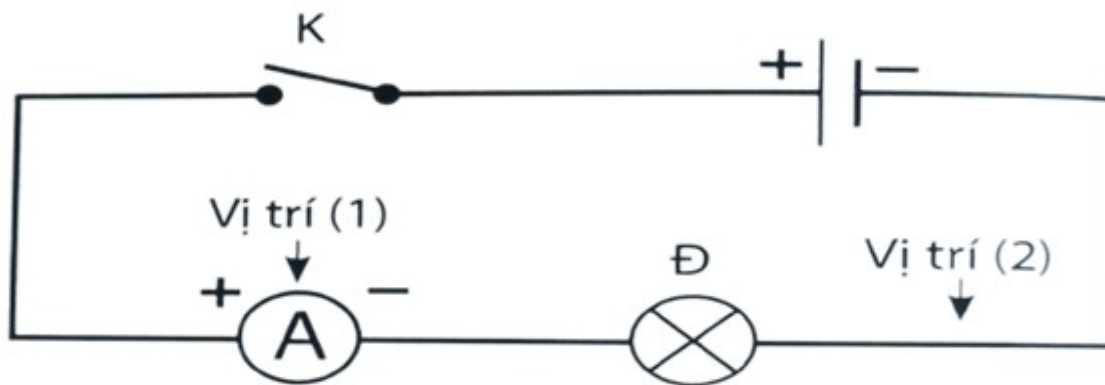
Câu 17: Để phòng tránh bệnh sỏi thận em cần làm gì ?

Câu 18: Có mấy oxide acid trong các oxide sau : CaO, CuO, Fe₂O₃, SO₂, P₂O₅.

Câu 19: Tại sao không nên đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho bài tập sau

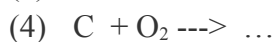
Câu 20. Cho sơ đồ mạch điện



- a) Liệt kê các bộ phận trong sơ đồ mạch điện trên.
 b) Nhận xét giá trị của cường độ dòng điện tại các vị trí 1 và 2, hiệu điện thế giữa 2 đầu bóng đèn và hiệu điện thế của nguồn.

Câu 21: (1,5 đ)

a) (0,5 điểm) Cho sơ đồ phản ứng hóa học và hoàn thành các phương trình hóa học sau:



b) (0,5 điểm) Cho Iron (Fe) đã làm sạch vào 100ml dung dịch Copper (II) sulfate (CuSO₄). Nêu hiện tượng và viết phương trình hóa học xảy ra?

c) (0,5 điểm) Đất nhiễm phèn có pH trong khoảng 4,5 – 5,0. Hãy giải thích vì sao trước khi vào mùa gieo sạ người ta thường bón vôi bột (CaO) để cải tạo loại đất này?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn: KHTN 8

I. Phần đáp án câu trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	B	D	A	C	D	C	B	D	D	B	A	B

II. Trắc nghiệm đúng sai (3 điểm)

Câu	13a	13b	13c	13d	14a	14b	14c	14d	15a	15b	15c	15d
ĐA	S	Đ	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S

III. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1,5 điểm)

16	17	18	19
40V	Uống đủ nước ,chế độ ăn hợp lí	2	Mắt phải điều tiết nhiều →tật về mắt

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 20 (1 điểm)	a) Nguồn điện; khóa K(công tắc); bóng đèn; ampe kế b) Cường độ ở 2 vị trí như nhau Hiệu điện thế bóng đèn nhỏ hơn hiệu điện thế của nguồn	0,5 0,25 0,25
Câu 21 (1,5 điểm) b)	a) (3) $4\text{Al} + 3\text{O}_2 \xrightarrow{\text{t}^\circ} 2\text{Al}_2\text{O}_3$ (4) $\text{C} + \text{O}_2 \xrightarrow{\text{t}^\circ} \text{CO}_2$	0,25 0,25
	b) - Hiện tượng: Có chất rắn màu đỏ nâu bám vào thanh Iron (Fe), dung	0,25

	dịch màu xanh lam nhạt dần và không màu. - PTHH: $\text{Fe} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{FeSO}_4 + \text{Cu}$	0,25
	c) Phạm vi pH tối ưu cho hầu hết các cây trồng là từ 5,5 đến 7,5. Đất nhiễm phèn có pH trong khoảng 4,5 – 5,0 (hay có nồng độ acid cao hơn mức tối ưu). Do đó để cải tạo đất nhiễm phèn người ta thường bón vôi bột (CaO) do xảy ra phản ứng: $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2$ Ca(OH) ₂ là base, sẽ trung hoà bớt acid trong đất nhiễm phèn, làm tăng pH của đất.	0,25 0,25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II
MÔN KHTN 8

1. MA TRẬN

Phần/ Chương/ Chủ đề/ Bài	Nội dung kiểm tra	Số lượng câu hỏi cho từng mức độ nhận thức			
		Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)
Điện	- Hiện tượng nhiễm điện - Dòng điện, Nguồn điện - Tác dụng của dòng điện - Đo cường độ dòng điện, Đo hiệu điện thế - Mạch điện đơn giản	6		1	
Sinh học cơ thể người	Hệ bài tiết ở người Điều hoà môi trường trong của cơ thể Hệ nội tiết ở người Da và điều hoà thân nhiệt ở người Sinh sản	6	1		1
Sinh vật và môi trường	Môi trường sống và các nhân tố sinh thái Hệ sinh thái	2	1		
Acid – Base – PH – Oxide – Muối. Phân bón hoá học	Base (bazơ) Thang đo pH Oxide (oxit) Muối	1 1 1 1	1 ý 1 ý	1 ý	
Tổng số câu		16C	2C, 2 ý	1C, 1 ý	1C
Tổng số điểm		4,0	3,0	2,0	1,0
Tỉ lệ		40%	30%	20%	10%

ĐỀ 7

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ trả lời một phương án.

Câu 1. Có thể làm nhiễm điện một vật bằng cách?

- A. nung nóng.
- B. nhúng vào nước đá.
- C. cọ xát.
- D. cho chạm vào nam châm.

Câu 2. Dòng điện là

- A. dòng các điện tích dương chuyển động hỗn loạn.
- B. dòng các điện tích âm chuyển động hỗn loạn.
- C. dòng các nguyên tử chuyển động có hướng.
- D. dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện.

Câu 3. Thiết bị nào sau đây không phải là nguồn điện?

- A. Pin.
- B. Quạt điện.
- C. Động cơ xe đạp.
- D. Acquy.

Câu 4. Tác dụng hóa học của dòng điện được ứng dụng để

- A. chế tạo bóng đèn.
- B. chế tạo nam châm.
- C. chế tạo quạt điện.
- D. mạ điện.

Câu 5. Chất nào sau đây là Base?

- A. NaCl.
- B. Ba(OH)₂.
- C. KHCO₃.
- D. H₂SO₄.

Câu 6. Hợp chất X được tạo thành từ oxygen và một nguyên tố khác. Chất X thuộc loại chất nào sau đây?

- A. Muối.
- B. Acid.
- C. Base.
- D. Oxide.

Câu 7. Dung dịch nào sau đây làm đổi màu quỳ tím thành xanh?

- A. Potassium hydroxide.
- B. Acetic acid.
- C. Nước.
- D. Sodium chloride.

Câu 8. Dãy chất nào sau đây chỉ gồm các base tan?

- A. Ba(OH)₂, NaOH, KOH.
- B. NaOH, Mg(OH)₂, KOH.
- C. NaOH, KOH, Cu(OH)₂.
- D. Mg(OH)₂, Cu(OH)₂, KOH.

Câu 9. Hệ thần kinh ở người có dạng

- A. hình ống.
- B. hình lưới.
- C. hình chuỗi.
- D. hình túi.

Câu 10. Cấu tạo bộ phận thần kinh trung ương của người gồm:

- A. não và các dây thần kinh.
- B. não và tủy sống.

C. não và hạch thần kinh.

D. tuỷ sống và dây thần kinh.

Câu 11. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

A. màng cơ sở.

B. màng tiền đình.

C. màng nhĩ.

D. màng cửa bầu dục.

Câu 12. Cận thị là

A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.

B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.

C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

Phần II. Trắc nghiệm đúng-sai : Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Bạn Nam lắp một mạch điện đơn giản để kiểm tra khả năng hoạt động của một bóng đèn nhỏ. Sau khi lắp ráp, Nam đã đưa ra các ý kiến sau.

a, Khi công tắc đóng, mạch kín và bóng đèn sáng.

b, Nếu dây dẫn không được nối chặt vào các cực của pin, bóng đèn có thể không sáng.

c, Công tắc trong mạch điện được sử dụng để đóng và ngắt dòng điện, điều khiển việc bóng đèn sáng hay tắt.

d, Trong mạch điện, độ sáng của bóng đèn không phụ thuộc vào loại nguồn điện được sử dụng.

Câu 14: Sodium hydroxide (NaOH) là chất rắn, không màu, dễ nóng chảy, hút ẩm mạnh, tan nhiều trong nước và tỏa ra một lượng nhiệt lớn. Khi hòa Sodium hydroxide vào nước được dung dịch Sodium hydroxide.

a, Sodium hydroxide là hợp chất base .

b, Dung dịch Sodium hydroxide có $\text{pH} < 7$.

c, Dung dịch Sodium hydroxide có $\text{pH} > 7$.

d, Dung dịch Sodium hydroxide làm Phenolphthalein chuyển sang màu hồng.

Câu 15. Da có chức năng:

a) Bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân từ môi trường như vi khuẩn và tia tử ngoại.

b) Cung cấp năng lượng cho cơ thể qua các tế bào mỡ dưới da.

c) Giúp cơ thể duy trì thân nhiệt ổn định.

d) Tạo ra năng lượng để cơ thể hoạt động.

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19.

Câu 16. Vì sao nên sử dụng đèn LED thay thế cho các đèn sợi đốt ?

Câu 17. Dùng ampe kế có giới hạn đo 5A, trên mặt số được chia là 25 khoảng nhỏ nhất. Khi đo cường độ dòng điện trong mạch điện, kim chỉ thị chỉ ở khoảng thứ 16. Cường độ dòng điện đo được là

bao nhiêu ?

Câu 18. Cho các chất: $Mg(OH)_2$, HCl , KCl , CaO , $NaOH$. Số hợp chất base là bao nhiêu?

Câu 19. Ở người có mấy giác quan ?

Phần IV. Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các câu sau.

Câu 20. Trên một bóng đèn có ghi 6V. Khi đặt vào hai đầu bóng đèn này hiệu điện thế $U_1 = 2V$ thì dòng điện chạy qua đèn có cường độ I_1 , khi đặt hiệu điện thế $U_2 = 5V$ thì dòng điện chạy qua đèn có cường độ I_2 .

a) Hãy so sánh I_1 và I_2 . Giải thích vì sao có thể so sánh kết quả như vậy.

b) Phải đặt vào hai đầu bóng đèn một hiệu điện thế là bao nhiêu thì bóng đèn sáng bình thường?

Câu 21: Hòa tan hoàn toàn 5,6 gam CaO vào 100 ml dung dịch acid HCl a(M).

a, Viết phương trình hóa học.

b, Tính giá trị a.

(Cho biết khối lượng nguyên tử của các nguyên tố sau: $Ca=40$, $O=16$, $H=1$, $Cl=35,5$)

Câu 22: Từ những hiểu biết về chất gây nghiện, em sẽ tuyên truyền điều gì đến người thân và mọi người xung quanh?

Câu 23: Hệ sinh dục ở người có chức năng gì?

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KHẢO SÁT

CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ II

Môn: KHTN 8

Năm học 2024 – 2025.

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	B	D	B	D	A	A	A	B	C	C

Phần II. Trắc nghiệm Đúng – Sai

Chọn chính xác 01 ý được 0,1 điểm;

Chọn chính xác 02 ý được 0,25 điểm;

Chọn chính xác 03 ý được 0,5 điểm;

Chọn chính xác 04 ý được 1,0 điểm.

Câu	13	14	15
Đáp án	a) Đ	a) Đ	a) Đ

	b) Đ	b) S	b) Đ
	c) Đ	c) Đ	c) Đ
	d) S	d) Đ	d) S

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ.

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Hiệu suất phát quang cao.	3,2A	2	5

Phần IV. Tự luận

Câu 20: 1,0đ

Hướng dẫn chấm	Điểm	Ghi chú
a) + Ta có $I_1 < I_2$ + Giải thích: Khi hiệu điện thế đặt vào hai đầu bóng đèn tăng thì cường độ dòng điện chạy qua bóng đèn tăng.	0,25 0,25	
b) Để đèn sáng bình thường thì cần đặt vào hai đầu bóng đèn một hiệu điện thế $U = 6V$.	0,5	

Câu 21: (1 điểm)

Hướng dẫn chấm	Điểm	Ghi chú
a) $CaO + 2HCl \rightarrow CaCl_2 + H_2$	0,5	PT không cân bằng được 0,25 đ
b) Số mol của CaO là $n_{CaO} = m/M = 5,6/56 = 0,1 \text{ mol}$ Theo phương trình: 1 mol CaO phản ứng 2 mol HCl	0,25	

Vậy	0,1 mol CaO phản ứng 0,2 mol HCl		
Đổi $V_{\text{HCl}} = 100 \text{ ml} = 0,1 \text{ lit}$		0,25	
$a = C_{\text{M(HCl)}} = n/v = 0,2/0,1 = 2 \text{ (M)}$			

Hướng dẫn chấm	Điểm	Ghi chú
Câu 22: (0,5 điểm) - Tuyên truyền đến mọi người tác hại của chất gây nghiện, từ đó khuyên mọi người không sử dụng các chất gây nghiện. - Khi phát hiện các đối tượng tàng trữ, sử dụng các chất gây nghiện trái với quy định của pháp luật, cần báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền.	0,25 0,25	HS nêu được ý khác mà đúng vẫn cho điểm tối đa
Câu 23: (0,5 điểm) Hệ sinh dục có chức năng <u>duy trì nòi giống</u> (0,25 điểm) <u>thông qua quá trình sinh sản</u> (0,25 điểm)	0,5	

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN – LỚP 8

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	ĐIỆN	Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát.	0,25								0,25
		Dòng điện, nguồn điện.	0,5								0,5

		Mạch điện đơn giản.	0,25		0,75						1,0
		Tác dụng của dòng điện.			0,25				0,25		0,5
		Cường độ dòng điện và hiệu điện thế.						1,0	0,25		1,25
2	Một số hợp chất thông dụng	Base. Thang pH	1,0		1,0						2,0
		Oxide	0,25					0,5		0,5	1,25
3	Sinh	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người	1,0					0,5			1,5
		Bài 38: Hệ nội tiết ở người	0,25								0,25
		Bài 39: Da và điều hoà thân nhiệt ở người			1,0						1,0
		Bài 40: Sinh sản ở người		0,5							0,5
Tổng			3,5	0,5	3,0			2,0	0,5	0,5	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN – LỚP 8

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Số
											Nhận biết

1	ĐIỆN	Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát.	Nhận biết: Nhận biết được cách làm một vật bị nhiễm điện.	1TN (Câu 1)
		Dòng điện, nguồn điện.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nắm được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. Nhận biết được nguồn điện. 	2TN (Câu 2,3)
		Mạch điện đơn giản.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được các bộ phận của mạch điện đơn giản và khi mạch kín thì đèn sáng. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được nguyên nhân làm cho đèn phát sáng hoặc không phát sáng. 	1TN (Câu 13.a)
		Tác dụng của dòng điện.	Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được tác dụng của dòng điện được ứng dụng trong thực tế Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Giải thích được ứng dụng công nghệ LED. 	
		Cường độ dòng điện và hiệu điện thế.	Vận dụng: Vận dụng được các kiến thức về cường độ dòng điện và hiệu điện thế để giải quyết các vấn đề liên quan.	
2	Một số hợp chất thông dụng	Base. Thang pH	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). Sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. 	Câu 5
			Thông hiểu – Nêu được một số tính chất của base (NaOH)	Câu 14.a,b,

			– Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.	
		Oxide	Nhận biết: – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.	Câu 6
			Vận dụng: Viết phương trình hoá học về tính chất hóa học của oxide, vận dụng giải bài tập tính theo PTHH	
3	Sinh học cơ thể người	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người	Nhận biết: – Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. – Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. – Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh).	4TN Câu 9, 10, 11, 12
			Nhận biết: – Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Thông hiểu: – Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. – Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng.	

			<p>– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.</p> <p>– Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.</p> <p>– Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.</p>	
			<p>Nhận biết:</p> <p>– Kể được tên các tuyến nội tiết.</p> <p>– Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.</p> <p>– Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>– Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</p>	1TN Cá 19
		Bài 38: Hệ nội tiết ở người		
		Bài 39: Da và điều hoà thân nhiệt ở người	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được cấu tạo sơ lược của da.</p> <p>– Nêu được chức năng của da.</p>	

			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. – Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học. 	
		Bài 40: Sinh sản ở người	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ sinh dục. – Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cách phòng tránh thai. – Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. – Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân. 	1TL Cá 23

ĐỀ 8**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8****PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12.**

Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời.

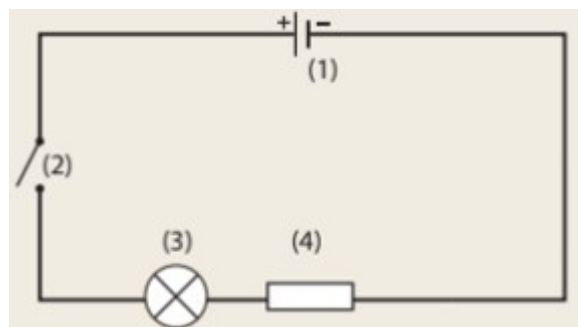
Câu 1. Nhiều vật khi cọ xát với nhau thì có khả năng gì?

- A. Đẩy nhau
- B. Hút nhau
- C. Vừa hút vừa đẩy
- D. Không có hiện tượng

Câu 2. Loại hạt nào dưới đây khi chuyển động có hướng thì tạo thành dòng điện?

- A. Các hạt mang điện tích dương.
- B. Các hạt neutron.
- C. Các nguyên tử.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 3. Thiết bị số (1) trong hình là



- A. Nguồn điện.
- B. Bóng đèn.
- C. Công tắc.
- D. Biến trở

Câu 4: Ampe kế là dụng cụ để đo:

- A. Cường độ dòng điện.
- B. Hiệu điện thế.
- C. Công suất điện.
- D. Điện trở.

Câu 5: Base nào sau đây có thể tan được trong nước tạo thành dung dịch kiềm?

- A. $Mg(OH)_2$.
- B. KOH .
- C. $Cu(OH)_2$.
- D. $Fe(OH)_3$.

Câu 6: Những hoá chất nào sau đây có thể sử dụng để phân biệt hai dung dịch trong suốt: HCl và $NaOH$?

- A. Quỳ tím.
- B. Dung dịch muối ăn
- C. Iron.
- D. Nước.

Câu 7: Hợp chất X được tạo thành từ oxygen và một nguyên tố khác. Chất X thuộc loại chất nào sau đây?

- A. Muối. B. Acid. C. Base. D. Oxide.

Câu 8: Oxide acid có đặc điểm là

- A. Tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
B. Tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
C. Không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
D. Chỉ tác dụng được với muối.

Câu 9: Viễn thị là gì?

- A. Là tật mà mắt có khả năng nhìn gần.
B. Là tật mắt không có khả năng nhìn.
C. Là tật mắt có khả năng nhìn xa.
D. Là tật mắt có khả năng nhìn rõ.

Câu 10: Thyroxine là?

- A. Hormone tuyến tụy.
B. Hormone tuyến giáp.
C. Hormone tuyến cận giáp.
D. Hormone tuyến yên.

Câu 11: Vì sao tắm rửa là một biện pháp rèn luyện da?

- A. Da sạch không có vi khuẩn xâm nhập vào.
B. Là hình thức xoa bóp da làm cho các mạch máu lưu thông, da được nuôi dưỡng tốt.
C. Giúp da tạo nhiều vitamin D.
D. Giúp cơ thể chịu được những thay đổi đột ngột của môi trường.

Câu 12: Biện pháp tránh được các bệnh lây truyền qua đường tình dục là?

- A. Đặt vòng.
B. Dùng bao cao su
C. Thắt ống dẫn trứng hoặc thắt ống dẫn tinh.

D. Dùng thuốc tránh thai.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Khi sử dụng đèn pin, nếu bật công tắc mà bóng đèn không sáng thì có thể do những khả năng nào sau đây:

- a) Bóng đèn bị hư.
- b) Đèn hết pin.
- c) Pin còn nhưng gắn các cực không đúng.
- d) Cả ba khả năng trên.

Câu 14: Bảng dưới đây cho biết giá trị pH của một số chất:

Dung dịch	A	B	C	D
pH	13	3	1	7

Dự đoán nào dưới đây là đúng? Dự đoán nào dưới đây là sai?

1. Dung dịch C có thể là HCl, H₂SO₄.
2. Dung dịch A có thể là NaOH, KOH.
3. Dung dịch B có thể là nước, muối ăn.
4. Dung dịch D có tính acid yếu như acetic acid (có trong giấm ăn).

Câu 15: Nhận định về da nào là đúng, nhận định nào là sai?

- a) Lớp tế bào chết ở da là tầng sừng và tuyến nhờn.
- b) Hoạt động của tuyến nhờn giúp da luôn mềm mại và không bị thấm nước.
- c) Cảm giác nóng, lạnh ta có được trên da là do hoạt động chức năng của thụ quan mang lại.
- d) Thường xuyên mát xa cơ thể giúp tăng cường lưu thông máu, khiến da ngày một hồng hào, khỏe mạnh.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19.

Câu 16. Điền từ thích hợp vào chỗ trống. Nguồn điện tạo ra giữa hai cực của nó một.....

Câu 17: Hãy tìm hiểu và cho biết giá trị pH có trong dịch dạ dày của người?

Câu 18: Cho các oxide sau: CaO, Fe₂O₃, SO₃, CO₂, CO. Có bao nhiêu oxide có thể tác dụng với dung dịch HCl?

Câu 19: Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hormone nào?

PHẦN IV: Tự luận. *Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau*

Câu 20: Đổi đơn vị đo cho các giá trị sau đây:

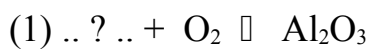
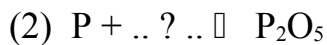
a. $2,5 \text{ V} = \dots \text{ mV}$

b. $6 \text{ kV} = \dots \text{ V}$

c. $110 \text{ V} = \dots \text{ kV}$

d. $1200 \text{ mV} = \dots \text{ V}$

Câu 21: Cho các sơ đồ phản ứng sau:



Hoàn thành các phương trình hoá học và đọc tên các sản phẩm tạo thành.

Câu 22:

a) Khi trời lạnh các mao mạch máu dưới da và các cơ hoạt động như thế nào?

b) Khi nào thì cơ thể nữ bắt đầu sản sinh trứng?

c) Chị B đã có 2 người con, chị và chồng chị không muốn sinh thêm con nữa. Em hãy đưa ra biện pháp tránh thai phù hợp nhất đối với vợ chồng chị B?

-----**HẾT**-----

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	B	A	A	A	B	A	D	B	C	B	A	B

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu	13	14	15
Đáp án	A) S B) S C) S D) Đ	A) Đ B) Đ C) S D) S	A) S B) Đ C) Đ D) Đ

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Hiệu điện thế	1,5 – 3,5	2	Insulin

PHẦN IV: Tự luận. *Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau*

Câu hỏi	Đáp án	Biểu điểm
Câu 20	a. $2,5 \text{ V} = 2500 \text{ mV}$.	0,25
	b. $6 \text{ kV} = 6000 \text{ V}$.	0,25
	c. $110 \text{ V} = 0,110 \text{ kV}$.	0,25
	d. $1200 \text{ mV} = 1,2 \text{ V}$.	0,25
Câu 21	- Viết đúng mỗi PTHH được 0,25 điểm. - Gọi tên đúng mỗi công thức được 0,25 điểm. (1) $4\text{Al} + 3\text{O}_2 \rightarrow 2\text{Al}_2\text{O}_3$ (aluminium oxide).	0,25/0,5
	(2) $4\text{P} + 5\text{O}_2 \rightarrow 2\text{P}_2\text{O}_5$ (diphosphorus pentoxide).	0,25/0,5
Câu 22	a) Khi trời lạnh các mao mạch ở da co lại, ngưng tiết mồ hôi (0,25), cơ chân lông co để giảm sự tỏa nhiệt (0,25).	0,5
	b) Tuổi dậy thì.	0,25

	c) Triệt sản.	0,25
--	---------------	------

Lưu ý: - Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác **đúng** cho điểm tương đương.

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 8

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần theo tỉ lệ 3: 3: 1

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai. Gồm 3 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Gồm 4 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chương		Nội dung / đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
				TNKQ									Tự luận						
				Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn									
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	NL 3,25	Điện 10t		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25		0,25		0,25	0,25	0,5	1,25	1,0	1,0	32,5
2	Ch 3,5	C.VII 8 t		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25		0,25	0,25	0,25	0,5	0,25	1,25	1,25	1	3,5

3	Vs 3,25	C. VII 10t		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25			0,25	0,5	0,25	0,25	1,5	0,75	1,0	3,25
Tổng số câu/số ý				6	3	3	6	3	3		2	2	4	4	4	16	12	12	40
Tổng số điểm				3,0			3,0			1,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %				30%			30%			10%			30%			40%	30%	30%	100%

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Câu hỏi			
				PA	ĐS	TLN	TL
		Base (bazơ)	Nhận biết: – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH ⁻). – Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. – Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan. Vận dụng: – Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.	Câu 5			
				Câu 6			
		Thang đo pH	Nhận biết – Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. Vận dụng – Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả...). – Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.		Câu 14.1 Câu 14.2 Câu 14.3 Câu 14.4	Câu 17	
		Oxide (oxit)	Nhận biết – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. Thông hiểu – Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen. – Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). Vận dụng: – Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm	Câu 7			Câu 21.3
				Câu 8		Câu 18	Câu 21.1 Câu 21.2 Câu 21.4

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Câu hỏi			
				PA	ĐS	TLN	TL
			(viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.				
2	aĐiện	1. Hiện tượng nhiễm điện	Thông hiểu - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.	Câu 1			
3		2. Nguồn điện	Nhận biết - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện - Liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.	Câu 2			
4		3. Dòng điện 4. Tác dụng của dòng điện	Nhận biết - Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. Thông hiểu - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. Vận dụng - Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), điốt (diode) và điốt phát quang. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó.	Câu 3		Câu 13	
5		5. Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế	Nhận biết - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. Vận dụng - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành.	Câu 4		Câu 16	Câu 20
	e. Hệ thần kinh và các quan ở người	1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ thần kinh và các giác quan	Nhận biết: - Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. - Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. - Dựa vào hình ảnh kẻ tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh).				
		2. Bảo vệ hệ thần kinh và các giác quan	Nhận biết: - Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. - Trình bày được một số bệnh về thị giác	Câu 9			

		Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Câu hỏi			
				PA	ĐS	TLN	TL
TT	Nội dung		<p>và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đố (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...).</p> <p>– Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó.</p> <p>– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng.</p> <p>– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.</p> <p>– Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.</p>				
g.		3. Sức khỏe học đường có liên quan tới hệ thần kinh và các giác quan	<p>Vận dụng:</p> <p>– Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.</p> <p>– Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị, ...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.</p>				
h.		1. Chức năng của các tuyến nội tiết	<p>Nhận biết:</p> <p>– Kể được tên các tuyến nội tiết.</p> <p>– Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.</p>	Câu 10			
i.	Hệ nội tiết ở người	2. Bảo vệ hệ nội tiết	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...).</p> <p>– Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.</p> <p>Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</p>			Câu 19	
j.	Da và điều hoà thân nhiệt ở người	1. Chức năng và cấu tạo da người	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được cấu tạo sơ lược của da.</p> <p>– Nêu được chức năng của da.</p>		Câu 15a, b		
k.	Da và điều hoà thân nhiệt ở người	2. Chăm sóc và bảo vệ da	<p>Nhận biết:</p> <p>– Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.</p> <p>– Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.</p>	Câu 11	Câu 15d		

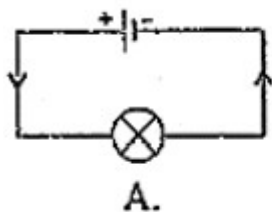
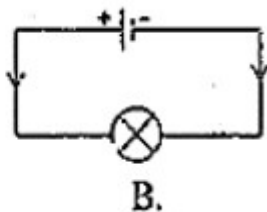
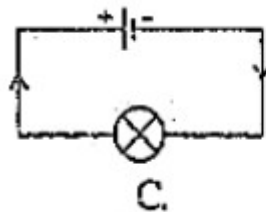
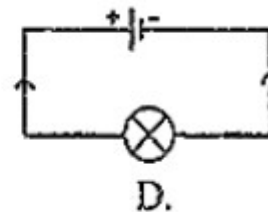
TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Câu hỏi			
				PA	ĐS	TLN	TL
			– Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.				
			Nhận biết: – Nêu được khái niệm thân nhiệt. – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. – Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. – Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. – Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. – Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Vận dụng: – Thực hành được cách đo thân nhiệt. – Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.		Câu 15c		Câu 22a
l.		3. Thân nhiệt					
m.		1. Chức năng, cấu tạo của hệ sinh dục	Nhận biết: – Nêu được chức năng của hệ sinh dục. – Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.				Câu 22b
n.	Sinh sản	2. Bảo vệ hệ sinh dục và Bảo vệ sức khoẻ sinh sản.	Nhận biết: – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu, ...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. – Nêu được cách phòng tránh thai. – Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. – Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu, ...). Vận dụng: – Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. – Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).	Câu 12			Câu 22c

ĐỀ 9**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8****Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Khoanh tròn đáp án trước câu trả lời đúng.**

Câu 1: Có thể làm thước nhựa nhiễm điện bằng cách

- A. áp sát thước nhựa vào một cực của pin.
- B. áp sát thước nhựa vào một đầu của thanh nam châm.
- C. hơ nóng nhẹ thước nhựa trên ngọn lửa.
- D. cọ xát thước nhựa bằng mảnh vải khô.

Câu 2: Hình nào sau đây biểu diễn đúng chiều quy ước của dòng điện?



- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 3: Tác dụng nào sau đây là tác dụng của dòng điện?

- A. Tác dụng nhiệt, tác dụng phát sáng.
- B. Tác dụng sóng.
- C. Tác dụng phản xạ.
- D. Tác dụng khúc xạ.

Câu 4: Để đo cường độ dòng điện đi qua một bóng đèn mắc trong một mạch điện kín gồm bóng đèn và nguồn điện, người ta có thể thực hiện bằng cách

- A. thay bóng đèn mắc trong mạch bằng một ampe kế mắc vào chính mạch đó.
- B. cắt dây dẫn trong mạch tại điểm nào đó và mắc ampe kế vào vị trí đó.
- C. mắc ampe kế vào hai đầu bóng đèn.
- D. thay nguồn điện bằng ampe kế.

Câu 5: Điền vào chỗ trống: "Base là những ... trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm Khi tan trong nước, base tạo ra ion ..."

- A. Đơn chất, hydrogen, OH⁻
- B. Hợp chất, hydroxide, OH⁻
- C. Đơn chất, hydroxide, H⁺
- D. Hợp chất, hydrogen, H⁺

Câu 6: Hoàn thành phương trình sau: $\text{Fe} + \dots \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$

- A. $\text{Fe} + \text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$
- B. $3\text{Fe} + 4\text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$
- C. $3\text{Fe} + 2\text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$
- D. $2\text{Fe} + 4\text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$

Câu 7: Chất nào sau đây là oxide base?

- A. CO₂
- B. CaO
- C. SO₃
- D. NaOH

Câu 8: Một nguyên tố R có hoá trị II. Trong thành phần oxide của R, oxygen chiếm 40% về khối lượng. Công thức oxide đó là

- A. CuO
- B. SO₂
- C. MgO
- D. ZnO

Câu 9: Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

- A. màng cơ sở.
- B. màng tiền đình.
- C. màng nhĩ.
- D. màng cửa bầu dục.

Câu 10: Hoocmon insulin do tuyến tụy tiết ra có tác dụng sinh lí như thế nào ?

- A. Chuyển glycogen thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ

- B. Chuyển glucose thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ
- C. Chuyển glycogen thành glucose dự trữ trong gan và cơ
- D. Chuyển glucôzơ thành glicôgen dự trữ trong gan và cơ

Câu 11: Khi bị bỏng nhẹ, chúng ta cần phải thực hiện ngay thao tác nào sau đây?

- A. Băng bó vết bỏng bằng bông và gạc sạch.
- B. Bôi kem liền sẹo lên phần da bị bỏng.
- C. Ngâm phần da bị bỏng vào nước lạnh và sạch.
- D. Rửa vết thương trên vòi nước với xà phòng diệt khuẩn.

Câu 12: Phương pháp tránh thai nào dưới đây **không** nên áp dụng với những người có chu kì kinh nguyệt không đều?

- A. Uống thuốc tránh thai
- B. Đặt vòng tránh thai
- C. Tính ngày trứng rụng
- D. Sử dụng bao cao su

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Chọn từ “Đúng” hoặc “Sai” cho các câu dưới đây nói về dòng điện, nguồn điện.

- a) Dòng điện chỉ là dòng chuyển dời có hướng của các electron.
- b) Nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện cho các dụng cụ điện hoạt động
- c) Vật dẫn điện là vật cho dòng điện chạy qua, thường làm bằng sứ, nhựa, cao su...
- d) Pin và acquy là những nguồn điện một chiều có hai cực luôn cố định là cực dương và cực âm.

Câu 14: Cho các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai:

- a) Thang pH dùng để đánh giá độ acid – base của dung dịch. Các dung dịch acid có giá trị pH > 7, các dung dịch base có giá trị pH < 7.
- b) Trong cơ thể người, pH của máu luôn được duy trì ổn định trong phạm vi hẹp khoảng 7,35 – 7,45.
- c) Oxide là hợp chất hoá học gồm 2 nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxygen.
- d) Oxide lưỡng tính không tác dụng với dung dịch acid, dung dịch base.

Câu 15: Khi nói về hormone, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

- a) Hormone được sản xuất bởi các tuyến nội tiết và vận chuyển qua đường máu đến các cơ quan đích.
- b) Hormone cần một lượng lớn để gây ra hiệu quả sinh học.
- c) Iodine là thành phần không thể thiếu trong hormone thyroxine.
- d) Nguyên nhân chính gây ra bệnh bướu cổ do thừa iodine.

Phần III. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn:

Câu 16: Cầu chì, cầu dao tự động, role, chuông điện là các thiết bị có tác dụng gì?

Trả lời:

Câu 17: Cho các vật liệu sau: Dây nhôm, thanh sắt, gang tay cao su, thước nhựa, ruột bút chì. Số vật liệu dẫn điện là

Câu 18: Cho các base sau: CuO, Na₂O, MgO, CO₂, P₂O₅ Số oxide acid là

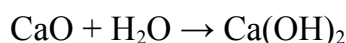
Câu 19: Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn tiết hoocmon nào?

Trả lời:

IV. Tự luận:

Câu 20: Hãy giải thích vì sao vào mùa đông, khi ta cởi áo len hay dạ ta thường nghe tiếng nổ lép bép, trong bóng tối còn có thể thấy các đốm sáng li ti, áo thường dính vào cơ thể khi kéo lên?

Câu 21: Để điều chế dung dịch nước vôi trong (dung dịch calcium hydroxide), người ta cho calcium oxide tác dụng với nước. Phản ứng xảy ra như sau:



Cho 0,56 g CaO tác dụng hoàn toàn với 100 g nước. Tính nồng độ C% của dung dịch Ca(OH)₂ thu được.

Câu 22: Con người thường mắc phải hai tật về mắt đó là tật cận thị và viễn thị. Em hãy chỉ ra nguyên nhân và cách khắc phục các tật về mắt đó.

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	D	A	A	B	B	C	B	C	C	D	C	C

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm

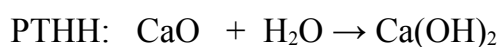
	a)	b)	c)	d)
Câu 13	S	Đ	S	Đ
Câu 14	S	Đ	Đ	S
Câu 15	S	Đ	Đ	S

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19
Bảo vệ mạch điện	3	2	Insulin

Phần IV. Tự luận**Câu 20:**

- Do khi ta mặc áo len, dạ, cơ thể ta cọ xát với áo, nên cả cơ thể và áo đều bị nhiễm điện. (0,5đ)
- Khi ta cởi áo thì các phần trên áo sẽ phóng điện do tiếp xúc gần nhau, làm ta thấy các đốm sáng li ti, kèm theo việc phóng điện là sự nóng lên của phần không khí nhỏ ở đó, làm không khí giãn nở nhanh gây ra tiếng nổ lép lép. (0,25đ)
- Do áo và cơ thể nhiễm điện nên nó bị hút dính vào người. (0,25đ)

Câu 21:

Số mol $\text{CaO} = 0,56 : 56 = 0,01 \text{ (mol)}$ (0,25đ)

Theo PTHH: Cứ 1 mol CaO tạo ra 1 mol Ca(OH)_2

Theo đề bài: 0,01 mol CaO tạo ra 0,01 mol Ca(OH)_2

Khối lượng Ca(OH)_2 tạo thành là:

$m \text{Ca(OH)}_2 = 0,01 \cdot 74 = 0,74 \text{ (g)}$ (0,25đ)

Khối lượng dung dịch thu được là:

$100 + 0,56 = 100,56 \text{ (g)}$ (0,25đ)

Nồng độ C% của dung dịch Ca(OH)_2 thu được:

$\text{C}\% = (0,74 : 100,56) \cdot 100 = 0,736\%$ (0,25đ)

Câu 22:

Các tật của mắt	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Cận thị là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần	<ul style="list-style-type: none"> - bẩm sinh: Cầu mắt dài - Do không giữ đúng khoảng cách khi đọc sách (đọc gần) $\Rightarrow$ thể thủy tinh quá phồng. (0,25đ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đeo kính mắt lõm (kính cận). - Giữ đúng khoảng cách trong vệ sinh học đường. (0,25đ)
Viễn thị là tật mắt chỉ có khả năng nhìn xa	<ul style="list-style-type: none"> - bẩm sinh: Cầu mắt ngắn. - Do thể thủy tinh bị lão hoá (người già) $\Rightarrow$ không phồng được. (0,25đ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đeo kính mắt lồi (kính viễn). (0,25đ)

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 8

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Gồm 3 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											
			TNKQ									Tự luận		
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Năng lượng 3,5		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25		0,25	0,25		1,0	
2	Chất 3,25		0,25	0,75		0,5	0,25	0,25		0,25				1,0

3	Vật sống		0,5		0,5	0,75		0,25			0,25	1,0		
	3,25													
Tổng số câu/Số ý			5	4	3	7	2	3	0	2	2	4	4	4
Tổng số điểm			3,0			3,0			1,0			3,0		
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%		

b) Bản đặc tả

Chủ đề/Chương	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Câu hỏi			
			PA	ĐS	TL N	TL
Năng lượng: Điện	1. Hiện tượng nhiễm điện	Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. 	C1			C2 0
	2. Nguồn điện	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện - Liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. 		C1 3b		
	3. Dòng điện 4. Tác dụng của dòng điện	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. 	C3	C1 3a	C1 7	C1 3c

		<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. 		C1 3d		
	5. Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành. 	C4			
	6. Mạch điện đơn giản	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. 	C2		C1 6	
Chất:	Base	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). – Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. – Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí 	C5			C2 1

		<p>thực nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.</p>				
	<p>Thang đo pH</p>	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).</p> <p>– Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.</p>		<p>C1 4a,</p> <p>C1 4b</p>		
	<p>Oxide</p>	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.</p> <p>– Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.</p>	<p>C7, C8</p> <p>C6</p>	<p>C1 4c</p> <p>C1 4d</p>	<p>C1 8</p>	
Vật sống						
<p>Hệ thần kinh và giác quan ở người</p>	<p>1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ thần kinh và các</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan.</p> <p>– Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác.</p> <p>– Dựa vào hình ảnh kẻ tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh,</p>	<p>C9</p>			

	giác quan	hạch thần kinh).				
	2. Bảo vệ hệ thần kinh và các giác quan	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. – Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). – Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. 				C2 2
	3. Sức khỏe học đường có liên quan tới hệ thần kinh và các giác quan	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt. 				
Hệ nội tiết ở người	1. Chức năng của các tuyến nội tiết	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên các tuyến nội tiết. – Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. 	C10	C1 5a, b,c		
	2. Bảo vệ	Nhận biết:		C1		

	hệ nội tiết	<p>– Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).</p> <p>– Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>– Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</p>		5d	C1 9	
Da và điều hoà thân nhiệt ở người	1. Chức năng và cấu tạo da người	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được cấu tạo sơ lược của da.</p> <p>– Nêu được chức năng của da.</p>				
	2. Chăm sóc và bảo vệ da	<p>Nhận biết:</p> <p>– Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>– Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.</p> <p>– Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.</p>	C11			
	3. Thân nhiệt	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được khái niệm thân nhiệt.</p> <p>– Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.</p> <p>– Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.</p> <p>– Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh,</p>				

		<p>cảm nóng.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. – Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành được cách đo thân nhiệt. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. 				
Sinh sản	<p>1. Chức năng, cấu tạo của hệ sinh dục</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ sinh dục. – Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. 				
	<p>2. Bảo vệ hệ sinh dục và Bảo vệ sức khỏe sinh sản.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. <p>– Nêu được cách phòng tránh thai.</p> <p>– Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.</p> <p>– Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). 	C12			

ĐỀ 10**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8**

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1. Có thể làm thước nhựa nhiễm điện bằng cách nào dưới đây?

- A. Áp sát thước nhựa vào một cực của pin.
- B. Cọ xát thước nhựa bằng mảnh vải khô.
- C. Hơ nóng thước nhựa.
- D. Áp sát thước nhựa vào một đầu của nam châm.

Câu 2. Dụng cụ nào dưới đây **không phải** là nguồn điện?

- A. Pin.
- B. Bóng đèn điện đang sáng.
- C. Động cơ lắp ở xe đạp.
- D. Acquy.

Câu 3. Dòng điện được cung cấp bởi pin hay acquy là dòng điện

- A. không đổi. B. một chiều. C. xoay chiều. D. biến thiên.

Câu 4. Cường độ dòng điện được kí hiệu là

- A. I
- B. A
- C. U
- D. V

Câu 5. Điền vào chỗ trống: "Base là những ... trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm ... Khi tan trong nước, base tạo ra ion ..."

- | | |
|--|---|
| A. Đơn chất, hydrogen, OH^- . | B. Hợp chất, hydroxide, OH^- . |
| C. Đơn chất, hydroxide, H^+ . | D. Hợp chất, hydrogen, H^+ . |

Câu 6. Dung dịch của một bazơ ở 25°C có

- A. $\text{pH} = 7$. B. $\text{pH} > 7$. C. $\text{pH} < 7$. D. $\text{pH} < 14$.

Câu 7. CaO là oxide:



- A. Oxide acid. B. Oxide base. C. Oxide trung tính. D. Oxide lưỡng tính.

Câu 8. Hoàn thành phương trình sau: $\text{KOH} + \dots? \dots \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$

- A. $\text{KOH} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$. B. $2\text{KOH} + \text{SO}_4 \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$.
C. $2\text{KOH} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$. D. $\text{KOH} + \text{SO}_4 \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$.

Câu 9. Chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau: Nhờ khả năng điều tiết của mà ta có thể nhìn rõ vật ở xa cũng như khi tiến lại gần.

- A. thể thủy tinh B. thủy dịch C. dịch thủy tinh D. màng giác

Câu 10: Da bị xây xát có hại là:

- A. Gây mụn trứng cá
B. Gây các bệnh nan y
C. Gây viêm nhiễm có mủ
D. Vi khuẩn dễ xâm nhập, gây bệnh nguy hiểm cho da và cơ thể.

Câu 11: Vai trò của hormone tuyến giáp là:

- A. Điều hòa lượng đường trong máu
B. Điều hòa quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong tế bào
C. Gây những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì ở cả nam và nữ
D. Ảnh hưởng đến sự tăng trưởng cơ và xương

Câu 12: Tinh trùng được tạo ra ở đâu?

- A. Mào tinh. B. Túi tinh C. Tinh hoàn. D. Tuyến tiền liệt.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Chọn câu đúng, sai

- a) Nguồn điện có khả năng duy trì hoạt động của các thiết bị điện.
b) Nguồn điện tạo ra dòng điện.

c) Nguồn điện có thể tồn tại ở nhiều dạng khác nhau.

d) Nguồn điện càng lớn thì thiết bị càng mạnh.

Câu 14: Bảng dưới đây cho biết giá trị pH của một số chất:

Dung dịch	A	B	C	D
pH	13	3	1	7

Dự đoán nào dưới đây là đúng? Dự đoán nào dưới đây là sai?

1. Dung dịch C có thể là HCl, H₂SO₄.
2. Dung dịch A có thể là NaOH, KOH.
3. Dung dịch B có thể là nước, muối ăn
4. Dung dịch D có tính acid yếu như acetic acid (có trong giấm ăn).

Câu 15: Khi nói về các tuyến nội tiết trong cơ thể người, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

- a) Iodine là thành phần quan trọng của hormone tuyến giáp
- b) Tuyến trên thận tiết hormone kích thích hoạt động của nhiều tuyến nội tiết khác trong cơ thể.
- c) Nguyên nhân chính của bệnh đái tháo đường là do tuyến tụy tiết quá nhiều hormone insulin dẫn đến lượng đường trong máu tăng cao.
- d) Những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì chủ yếu do các hormone thuộc tuyến sinh dục gây nên.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16. Điền từ thích hợp vào chỗ trống. Nguồn điện tạo ra giữa hai cực của nó một.....

Câu 17: Phản ứng giữa dung dịch acid và base tạo thành muối và nước được thuộc loại phản ứng nào?

Câu 18: Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn nào?

Câu 19: Cùng với hệ thần kinh, cơ quan nào đóng vai trò quan trọng nhất trong điều hòa thân nhiệt?

PHẦN IV: Tự luận. *Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau*

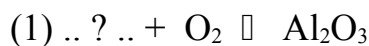
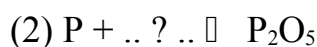
Câu 20: Đổi đơn vị đo cho các giá trị sau đây:

- a. 1,5 V = ... mV
- b. 3 kV = ...V

c. $110 \text{ V} = \dots \text{ kV}$

d. $1500 \text{ mV} = \dots \text{ V}$

Câu 21: Cho các sơ đồ phản ứng sau:



Hoàn thành các phương trình hoá học và đọc tên các sản phẩm tạo thành.

Câu 22: Khi một người phụ nữ không thấy xuất hiện kinh nguyệt nữa, hãy dự đoán những nguyên nhân có thể dẫn đến hiện tượng trên?

HDC CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 8

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	B	B	B	A	B	B	B	C	A	D	B	C

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu	13	14	15
Đáp án	a) Đ b) Đ c) Đ d) S	a) Đ b) Đ c) S d) S	a) Đ b) S c) S d) Đ

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	16	17	18	19
-----	----	----	----	----

Đáp án	Hiệu điện thế	Trung hòa	Insulin	Da

PHẦN IV. Thí sinh trả lời từ câu 20 đến câu 22

	Nội dung	Điểm
Câu 20	a. 1,5 V = 1500 mV	0,25
	b. 3 kV = 3000 V	0,25
	c. 110 V = 0,110 kV	0,25
	d. 1500 mV = 1,5 V.	0,25
Câu 21	- Viết đúng mỗi PTHH được 0,25 điểm	
	- Gọi tên đúng mỗi công thức được 0,25 điểm	
	(1) $4\text{Al} + 3\text{O}_2 \rightarrow 2\text{Al}_2\text{O}_3$ (aluminium oxide)	0,25/0,5
	(2) $4\text{P} + 5\text{O}_2 \rightarrow 2\text{P}_2\text{O}_5$ (diphosphorus pentoxide)	0,25/0,5
Câu 22	- Do người đó đang mang thai.	0,5
	- Do các bệnh lý hoặc rối loạn nội tiết tố.	0,25
	- Do người này bước sang giai đoạn mãn kinh (tuổi không còn khả năng sinh sản)	0,25

Lưu ý: - Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác **đúng** cho điểm tương đương.

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 8****a) Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần theo tỉ lệ 3: 3: 1

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai. Gồm 3 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Gồm 4 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chương		Nội dung / đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	NL 3,2 5	Điện 11t		0,25	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25				0,5	0,25	0,25
		Nhiệt 3t		0,25						0,25	0,25				
2	Ch 3,25	Acid - Base - pH - Oxide - Muối 8t		0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25			0,25	0,5	0,25	0,25
3	5	VŞ. VII 10t		0,25	0,25	0,25	0,5	0,25	0,25			0,25			0,25
		CVIII 4t		0,25										0,75	
Tổng số câu/số ý				6	3	3	6	3	3		1	3	6	5	3
Tổng số điểm				3,0			3,0			1,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			30%			10%			30%		

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
				PA	
1.	Acid – base – ph – oxide – muối	Acid (axit)	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+). – Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH). Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. 		
		Base (bazơ)	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). – Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. – Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. 	C 5	
		Thang đo pH	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). – Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất. 	C 6	
		Oxide (oxit)	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. Thông hiểu	C 7	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
				PA	
			<p>– Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.</p> <p>– Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.</p>		
		Muối	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^+).</p> <p>– Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan.</p> <p>– Trình bày được một số phương pháp điều chế muối.</p> <p>– Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide.</p> <p>– Đọc được tên một số loại muối thông dụng.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối.</p>		
2	o. Điện	1. Hiện tượng nhiễm điện	<p>Thông hiểu</p> <p>- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát.</p> <p>- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.</p>	C 1	
		2. Nguồn điện	<p>Nhận biết</p>	C 2	

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
				PA	
3			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện - Liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. 		
4		3. Dòng điện 4. Tác dụng của dòng điện	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. 	C 3	
5		5. Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành. 	C 4	
	Hệ thần kinh và các quan ở người	1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ thần kinh và các giác quan	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. – Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. – Dựa vào hình ảnh kẻ tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch 		

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
				PA	
			thần kinh).		
t.		2. Bảo vệ hệ thần kinh và các giác quan	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. 	C9	
u.		3. Sức khỏe học đường có liên quan tới hệ thần kinh và các giác quan	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị, ...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt. 		
v. ở người	Hệ nội tiết	1. Chức năng của các tuyến nội tiết	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kể được tên các tuyến nội tiết. Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. 	C 11	C a.
w.		2. Bảo vệ hệ	Nhận biết:		C

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
				PA	
		nội tiết	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...). Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình. <p>Vận dụng cao:</p> <p>Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</p>		
x.	Da và điều hoà thân nhiệt ở người	1. Chức năng và cấu tạo da người	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được cấu tạo sơ lược của da. Nêu được chức năng của da. 		
y.		2. Chăm sóc và bảo vệ da	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học. 		
z.		3. Thân nhiệt	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm thân nhiệt. Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. 		

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
				PA	
			<ul style="list-style-type: none"> Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Thực hành được cách đo thân nhiệt. Vận dụng cao: <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. 		
aa.	Sinh sản	1. Chức năng, cấu tạo của hệ sinh dục	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nêu được chức năng của hệ sinh dục. Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. 	C 12	
bb.		2. Bảo vệ hệ sinh dục và Bảo vệ sức khỏe sinh sản.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu, ...). Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. Nêu được cách phòng tránh thai. Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu, ...). Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân. Vận dụng cao: <ul style="list-style-type: none"> Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). 		

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời

Câu 1: Có thể làm thước nhựa nhiễm điện bằng cách nào dưới đây?

- A. Áp sát thước nhựa vào một cực của pin.
- B. Áp sát thước nhựa vào một đầu của thanh nam châm.
- C. Hơ nóng nhẹ thước nhựa trên ngọn lửa.
- D. Cọ xát thước nhựa bằng mảnh vải khô.

Câu 2: Dụng cụ nào sau đây **không** phải là nguồn điện?

- A. Pin.
- B. Bóng đèn điện đang sáng.
- C. Sạc dự phòng.
- D. Acquy.

Câu 3: Khi tiến hành thí nghiệm cho dòng điện chạy qua đùi ếch thì đùi ếch co lại, đó là tác dụng nào của dòng điện?

- A. Tác dụng hóa học.
- B. Tác dụng từ.
- C. Tác dụng sinh lí.
- D. Tác dụng nhiệt.

Câu 4: Đơn vị của cường độ dòng điện là

- A. ampe (A).
- B. vôn (V).
- C. niuton (N).
- D. culong (C).

Câu 5: Base nào là kiềm?

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$.
- B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
- C. $\text{Mg}(\text{OH})_2$.
- D. $\text{Fe}(\text{OH})_2$.

Câu 6: Thang pH được dùng để:

- A. biểu thị độ acid của dung dịch.
- B. biểu thị độ base của dung dịch
- C. biểu thị độ acid, base của dung dịch.
- D. biểu thị độ mặn của dung dịch

Câu 7: Điền vào chỗ trống: "Oxide là hợp chất của ... với một nguyên tố khác."

- A. Oxygen
- B. Hydrogen
- C. Nitrogen
- D. Carbon

Câu 8. Trong cơ thể người, pH của máu luôn được duy trì ổn định trong phạm vi hẹp khoảng:

- A. 7,25-7,35
- B. 7,35-7,45
- C. 7,45-7,55
- D. 7,55-7,65

Câu 9. : Cận thị là

- A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.
- B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.
- C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.
- D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

Câu 10. Lớp ngoài cùng của da được gọi là

- A. lớp bì.
- B. lớp biểu bì.
- C. lớp mỡ dưới da.
- D. lớp dưới niêm mạc.

Câu 11. Sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục giúp phòng tránh thai vì

- A. ngăn cản tinh trùng gặp trứng.
- B. ngăn cản hợp tử làm tổ trong tử cung.
- C. ngăn cho trứng chín rụng.
- D. ngăn cản quá trình sản xuất tinh trùng.

Câu 12. Hệ cơ quan nào có chức năng tiết hormone điều hòa các quá trình sinh lí của cơ thể?

- A. Hệ vận động.
- B. Hệ hô hấp.
- C. Hệ tiêu hóa.
- D. Hệ nội tiết

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Khi nói về mạch điện, công dụng của cầu chì, cầu dao tự động, Role. Phát biểu nào là đúng, sai?

- a. Mạch điện bao gồm các bộ phận: nguồn điện, các vật tiêu thụ điện và các dây dẫn nối các vật tiêu thụ điện với hai cực nguồn điện.

- b. Cầu dao tự động cũng có tác dụng ngắt mạch như cầu chì, và được sử dụng để bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch khi dòng điện đột ngột tăng quá mức.
- c. Cầu chì có tác dụng thay đổi dòng điện khi dòng điện đột ngột giảm quá mức
- d. Để ngắt những dòng điện lớn mà hệ thống mạch điều khiển không thể can thiệp trực tiếp, ta sử dụng Rơ le

Câu 14: Khi tìm hiểu về Base bạn An có những phát biểu sau. Phát biểu nào là đúng, sai?

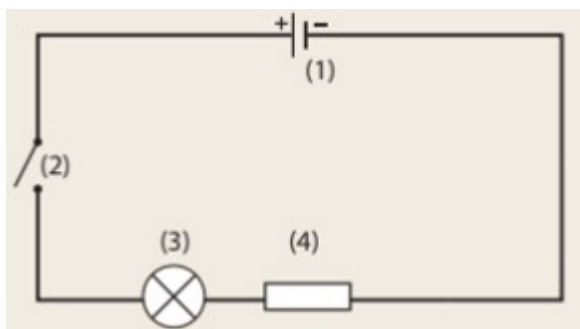
- a. Chỉ có base tan mới gọi là kiềm
- b. . Làm quỳ tím hoá xanh.
- c. Tác dụng với acid tạo thành muối và nước.
- d. Base là hợp chất mà phân tử có chứa nguyên tử kim loại

Câu 15. Phát biểu sau đúng hay sai khi nói về da và thân nhiệt cơ thể

- a. Lớp mỡ dưới da có vai trò chủ yếu là cách nhiệt.
- b. Ở người bình thường, nhiệt độ đo được ở miệng là 37°C
- c. Khi lao động nặng, cơ thể sẽ toả nhiệt bằng cách sần gai ốc
- d. Da có vai trò chính đối với đời sống con người là góp phần tạo nên vẻ đẹp bên ngoài.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: Trong hình sau, điện trở là thiết bị số.....



Câu 17: Dụng ampe kế có giới hạn đo 5A, trên mặt số được chia là 25 khoảng nhỏ nhất. Khi đo cường độ dòng điện trong mạch điện, kim chỉ thị chỉ ở khoảng thứ 16. Cường độ dòng điện đo được là.....A

Câu 18: Base là những hợp chất trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm hydroxide . Khi tan trong nước, base tạo ra ion ..."

Câu 19: Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn nào?

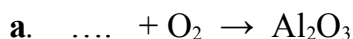
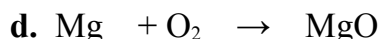
PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

Câu 20: (1,0 điểm)

Vẽ sơ đồ mạch điện đơn giản gồm 1 nguồn điện (pin), 1 bóng đèn, 1 công tắc và vẽ chiều dòng điện trong mạch khi công tắc đóng

Câu 21: (1,0 điểm)

Hoàn thành các phương trình hóa học sau:



Câu 22: (1,0 điểm)

Hãy kể một số bệnh lây qua đường sinh dục, từ đó đề xuất các biện pháp phòng chống các bệnh đó.

-----HẾT-----

HDC CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	D	B	C	A	A	C	A	B	C	B	A	D

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

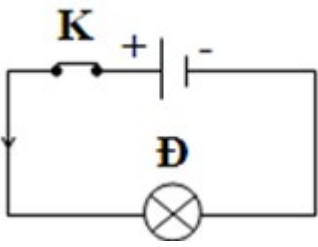
- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu	13	14	15
Đáp án	a. Đ b. Đ c. S d. Đ	a. Đ b. S c. Đ d. S	a. Đ b. Đ c. S d. S

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	16	17	18	19
Đáp án	4	3,2	OH-	Insulin.

PHẦN IV. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

	Nội dung	Điểm
Câu 20: (1đ)	 <p>Vẽ đúng kí hiệu 1 nguồn điện (pin), 1 bóng đèn, 1 công tắc, chiều dòng điện 1 điểm. Nếu sai 1 kí hiệu trừ 0,25 điểm</p>	1
Câu 21. (1đ)	<p><i>Hoàn thành các phương trình hóa học sau:</i></p> <p>a. $4Al + 3O_2 \rightarrow 2Al_2O_3$</p> <p>b. $4P + 5O_2 \rightarrow 2P_2O_5$</p> <p>c. $S + O_2 \rightarrow SO_2$</p> <p>d. $2Mg + O_2 \rightarrow 2MgO$</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 22 (1 điểm)	Một số bệnh lây qua đường sinh dục là giang mai, bệnh lậu, hội chứng AIDS	0,25

	Biện pháp phòng chống: - Sử dụng các biện pháp bảo vệ để tránh mắc bệnh lây qua đường tình dục như dùng bao cao su - Quan hệ tình dục một vợ một chồng - Giữ gìn vệ sinh cơ quan sinh dục - Khám kiểm tra sức khỏe sinh sản định kỳ - Tiêm phòng các bệnh lây qua đường tình dục.	0,75
--	---	------

Lưu ý: - Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác **đúng** cho điểm tương đương.

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8

Thời gian: 60 phút

A. Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì II, khi kết thúc nội dung:
- + Phần Vật lý:
- + Phần Hóa học: Bài 10. Oxide
- + Phần Sinh học: Bài 40. Sinh sản ở người
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận.
- Cấu trúc:
 - Phần năng lượng: 3,5 điểm
 - Phần chất. Sự biến đổi chất: 3,25 điểm
 - Phần vật sống: 3,25 điểm
 - Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 3,0 điểm, gồm 12 câu hỏi
 - Phần trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm, gồm 3 câu hỏi
 - Phần trả lời ngắn: 1 điểm, gồm 4 câu hỏi
 - Phần tự luận: 3 điểm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
		TNKQ									Tự luận						
		Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn									
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
Chủ đề 1: Điện	Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	1												1			2,5
	Bài 21: Dòng điện, nguồn điện	1												1			2,5
	Bài 22: Mạch điện đơn giản					1		1				1		1	2		22,5
	Bài 23: Tác dụng của dòng điện			1												1	2,5
	Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1						1						2			5
	Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế																
Chủ đề 2: Một số hợp chất thông dụng.																	
	Bài 9. Base. Thang pH Bài 10.	1 1 1		1			1	1				1		4 1		2	32,5

		Oxide																
		Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	1															
		Bài 38. Hệ nội tiết ở người.	1						1									
		Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người.	1			1								1	6		1	32,5
		Bài 40. Sinh sản ở người	1															
Tổng số câu			10	0	2	1	1	1	4	0	0	0	2	1	15	3	4	22
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1	Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	Nhận biết - Lấy được ví dụ về hiện tượng nhiễm điện. - Cách làm cho một vật bị nhiễm điện Thông hiểu - Mô tả cách làm	C1											

	<p>một vật bị nhiễm điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Chỉ ra được vật nhiễm điện chỉ có thể nhiễm một trong hai loại điện tích. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng phản ứng liên kết ion để giải thích cơ chế vật nhiễm điện. 											
Bài 21: Dòng điện, nguồn điện	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được kí hiệu nguồn điện. - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện. - Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế. - Phát biểu được định nghĩa về dòng điện. - Kể tên được một số vật liệu dẫn điện 	C2										

		<p>và vật liệu không dẫn điện.</p> <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện 1 chiều luôn có 2 cực (âm, dương) cố định. - Nguồn điện xoay chiều đổi cực liên tục. - Giải thích được nguyên nhân vật dẫn điện, vật không dẫn điện. 												
Bài 22: Mạch điện đơn giản	<p>Nhận biết</p> <p>Nhận biết kí hiệu mô tả: nguồn điện, điện trở, biến trở, chuông, ampe kế, vôn kế, cầu chì, đi ốt và đi ốt phát quang.</p> <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được mạch điện theo mô tả cách mắc. - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì (hoặc: rơ le, cầu dao tự động, chuông điện). <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được cường độ dòng điện của đoạn mạch gồm ba điện trở mắc nối tiếp (hoặc đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song) 							C16						
						C13								

		- Xác định được hiệu điện thế của đoạn mạch gồm ba điện trở mắc nối tiếp (hoặc đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song).											
	Bài 23: Tác dụng của dòng điện	Nhận biết - Nêu được dòng điện có tác dụng: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. Thông hiểu - Giải thích được tác dụng nhiệt của dòng điện. - Giải thích được tác dụng phát sáng của dòng điện. - Giải thích được tác dụng hóa học của dòng điện. - Giải thích được tác dụng sinh lí của dòng điện. Vận dụng - Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích. Vận dụng cao - Thiết kế phương án (hay giải pháp) để làm một vật dụng điện hữu ích cho bản thân (hay đưa ra biện pháp sử dụng điện an toàn và hiệu quả).	C3										
	Bài 24: Cường	Nhận biết	C4								C17		

[illegible]

[illegible]

		<p>– Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.</p>												
3	<p>Chủ đề 3. Sinh học cơ thể người</p>	<p>Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người.</p>	<p>1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ thần kinh và các giác quan</p> <p>Nhận biết:</p> <p>– Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan.</p> <p>– Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác.</p> <p>– Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên</p>	C9										

<p>Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người.</p>	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. <p>3. Sức khoẻ học đường có liên quan tới hệ thần kinh và các giác quan</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt. 	<p>C1 0</p>			<p>C1 5</p>									
<p>Bài 40. Sinh sản ở người</p>	<p>1. Chức năng của các tuyến nội tiết</p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên các 													

		<p>số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).</p> <p>– Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.</p> <p>– Nêu được cách phòng tránh thai.</p> <p>– Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.</p> <p>– Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>– Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).</p>												
Tổng số câu														
Tổng số điểm		3,0	3,0	1,0	3,0									
Tỉ lệ %		30	30	10	30									

